

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
6	Nhà máy ĐMT trên hồ Ea Súp Thượng giai đoạn 1	452	2026-2028	- Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Krông Búk. - Mở rộng 02 ngăn lộ 220kV tại TBA 500kV Krông Búk.	
7	Nhà máy điện mặt trời trên hồ Krông Búk Hạ 1,2	200	2026-2028	Krông Búk hạ 1 (50MW): Xây mới đường dây 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp đường dây 110kV Ea Kar-Krông Búk. Krông Búk hạ 2 (150MW): Xây mới đường dây 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp lên đường dây 220kV Krông Búk - Nha Trang mạch 1.	
8	Nhà máy điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Krông H'năng	100	2026-2028	XDM ĐZ 220kV mạch kép đấu nối trên 02 mạch ĐZ 220kV Sông Ba Hạ - Krông Búk	
9	Nhà máy điện mặt trời trên hồ thủy lợi Ea H'leo	150	2026-2028	Xây dựng mới ĐZ 220kV 04 mạch đấu nối trên thanh cái 220kV TBA 500kV NMDG Ea Nam	
10	Cụm nhà máy điện mặt trời tiểu khu 293, xã Cư M'lan	500	2027-2029	ĐZ 500kV mạch kép chuyển tiếp vào ĐZ 500kV Pleiku 2-Chơn Thành	
11	Nhà máy ĐMT Jang Pông 2	50	2027-2029	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối TBA 110kV/NMĐMT Jang Pông hiện hữu	
12	Nhà máy điện mặt trời Ia Rvê (gồm 04 nhà máy từ số 1 đến số 4)	1000	2025-2028	Xây dựng các ĐZ 110kV đấu nối vào phía 110kV vào TBA 500 kV Xuân Thiện - Ea súp; Mở rộng TBA 500kV ĐMT Xuân Thiện - Ea Súp, công suất 900MVA	
13	Nhà máy điện MT kết hợp trồng cây dược liệu, giai đoạn 1	230	2027-2029	XDM ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào TBA 500kV Ea Nam	
14	Nhà máy điện mặt trời Buôn Đôn	48	2027-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV TD Srêpôk 4A - TD Srêpôk 4	
15	Nhà máy ĐMT trên hồ Ea Súp Thượng giai đoạn 2	500		Sử dụng chung Đường dây đấu nối ở giai đoạn 1	
16	Nhà máy điện mặt trời trên hồ Ea Súp hạ	150		Xây dựng ĐZ 220kV đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
17	Nhà máy điện mặt đất kết hợp bán ngập BCG Vụ Bồn	187		Đấu nối cấp điện áp 220kV, về trạm gom 500kV Năng lượng tái tạo 2	
18	Nhà máy điện mặt trời Rừng Xanh	1100		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
19	Nhà máy điện mặt trời Ea Súp (gồm 05 nhà máy từ số 6 đến số 10)	1400		Xây dựng các ĐZ 110kV đấu nối vào phía 110kV vào TBA 500 kV Xuân Thiện - Ea súp; Mở rộng TBA 500kV ĐMT Xuân Thiện - Ea Súp, công	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
				suất 900MVA; Xây dựng mới ĐZ 500kV mạch kép, đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 500kV Pleiku 2 - Chơn Thành (mạch 2)	
20	Nhà máy điện MT kết hợp trồng cây dược liệu, Giai đoạn 2	220	2031-2035	Sử dụng chung Đường dây đấu nối ở giai đoạn 1	
21	Cụm Nhà máy ĐMT Cư Kbang	500	2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
22	Nhà máy điện mặt trời Ea Hleo	50	2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối trên ĐZ 220kV Krông Búk - Pleiku 2	
23	Nhà máy điện mặt trời Ea Huar	50	2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối thanh cái 110kV TBA 110kV Buôn Đôn	
24	Nhà máy điện mặt trời VK-100MWp	100	2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Cư M'gar - Buôn Đôn	
25	Nhà máy điện mặt trời Ia Jloi	200	2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
26	Nhà máy điện mặt trời Ea Bung	450	2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV Cư Mgar	
	Tỉnh Đắk Nông	893			
1	Điện mặt trời KN Buôn Tua Srah	312	2027-2028	Giai đoạn 1: Xây dựng TBA 220 kV ĐMT nối Buôn Tua Srah công suất 125 MVA; Xây dựng ĐZ 220 kV ĐMT nối Buôn Tua Srah - TBA 220 kV thủy điện Buôn Tua Srah; Mở rộng 1 ngăn lộ 220 kV tại sân phân phối NMTĐ Buôn Tua Srah; Giai đoạn 2: Lắp MBA thứ 2, công suất 250MVA tại TBA mặt trời nối Buôn Tua Srah; Nâng khả năng tải ĐZ 220kV Buôn Kuốp - Buôn Tua Srah - Đắk Nông	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Điện mặt trời Cư Knia	144	2027-2028	Xây dựng TBA nâng áp 22/220 kV tại nhà máy ĐMT Cư Knia, công suất 160 MVA; Xây dựng trạm cắt 220 kV đặt gần vị trí dự kiến đấu nối trên ĐZ 220 kV Buôn Kuốp - Nhà máy Điện phân nhóm. Xây dựng ĐZ 220 kV mạch đơn từ TBA nâng áp 22/220 kV nhà máy ĐMT Cư Knia đấu vào trạm cắt 220 kV	
3	Điện mặt trời Ea Tlinh	76	2027-2028	Xây dựng TBA nâng áp 22/110kV tại nhà máy điện mặt trời Ea T'ling, công suất (40+63)MVA; Xây dựng ĐZ 110 kV mạch kép từ TBA nâng áp 22/110 kV nhà máy ĐMT Ea T'ling đấu chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Buôn Kuốp - Krông Nô	
4	Điện mặt trời Xuyên Hà	104	2027-2028	Xây dựng TBA nâng áp 22/220 kV tại nhà máy ĐMT Xuyên Hà, công suất 1x125 MVA; Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép từ TBA	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
					năng áp 22/220 kV nhà máy ĐMT Xuyên Hà đầu chuyển tiếp vào ĐZ 220 kV Buôn Kuốp - Thủy điện Buôn Tua Srah	
5	Đức An	30	2026-2027		Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Đăk Nông - Buôn Kuốp	
6	Buôn Kuốp	87	2027-2029		Đầu nối thanh cái 22/110kV nhà máy điện mặt trời nổi Buôn Kuốp tỉnh Đăk Lăk	
7	Srêpôk 3	100	2027-2028		Đầu nối thanh cái 22/220kV nhà máy điện mặt trời nổi Srêpôk 3 tỉnh Đăk Lăk	
8	Điện mặt trời Ea Pô 1	40	2027-2028		Đầu nối thanh cái 220kV TBA 220kV thủy điện Srêpôk 4	
	Tỉnh Điện Biên		850	250		
1	Nhà máy ĐMT Nậm Pồ 1	150	2025-2030		Đầu nối về TBA 220kV NMDG Envision Nậm Pồ thông qua ĐZ 220kV từ TBA 220kV nhà máy ĐMT Nậm Pồ 1	
2	Dự án điện mặt trời trên mặt hồ Pá Khoang tích hợp Pin lưu trữ	200	2025-2030		ĐZ 110kV mạch kép đầu nối về TC 110kV TBA 220kV Điện Biên và mở rộng 02 ngăn lộ 110kV tại TBA 220kV Điện Biên	
3	Nhà máy điện mặt trời Điện Biên 1	300	2025-2030		Đầu nối Trạm 220kV Điện Biên	
4	Dự án điện mặt trời trên mặt hồ thủy điện Trung Thu	100	2025-2030		Xây dựng mới TBA 35/110kV, đầu transit vào ĐZ110kV hiện hữu của Nhà máy thủy điện Trung Thu	
5	Dự án điện mặt trời lòng hồ thủy điện Sông Mã 3	100	2025-2030		Xây dựng trạm 110kV tại nhà máy điện mặt trời Sông Mã 3 với công suất 01 máy 125MVA. Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép, đầu nối vào thanh cái 110kV TBA Sông Mã 3.	
6	Dự án điện mặt trời Anh Huy	50		2031-2035	Đầu nối lên lưới 110kV Tuần Giáo - Trung Thu	
7	Nhà máy điện mặt trời Rạng Đông	200		2031-2035	Dự kiến đầu nối Transit lên ĐZ 220kv tuyến Sơn La - Điện Biên	
	Tỉnh Đồng Nai		1069	3942		
1	ĐMT nổi KN Trị An	928	2028-2030		Giai đoạn 1: Xây mới ĐZ 110 kV mạch kép, đầu nối từ TBA 110 kV KN Trị An về TBA 110 kV Vĩnh An.	Thảo gờ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Điện mặt trời Trị An	101	2028-2030		Giai đoạn 2: Xây mới ĐZ 500 kV mạch kép từ TBA 500 kV KN Trị An đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 500 kV Sông Mây - Tân Định.	
3	ĐMT Hồ Gia Uí (giai đoạn 1)	40	2028-2030		Đầu nối cấp điện áp 110 kV và 22 kV	
					Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Hàm Thuận - Đa Mi - Xuân Lộc	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
4	ĐMT Hồ Gia Ui (giai đoạn 2)	80		2031-2035	Đấu nối vào TBA 220 kV ĐMT Hồ Gia Ui (giai đoạn 1)	
5	ĐMT hồ Cầu Dầu	100		2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Xuân Lộc - Cẩm Mỹ	
6	ĐMT hồ Gia Măng	79		2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Xuân Lộc - Xuân Trường	
7	ĐMT hồ mỏ đá (hồ Tân Hạnh, hồ Bình Hoà, hồ Tân Vạn, hồ Hoà An, hồ Tân Bán)	100		2031-2035	ĐZ 22 kV mạch kép đấu nối vào ĐZ 22 kV hiện hữu và TBA 110 kV Biên Hoà	
8	Điện mặt trời hồ Trị An 1	500		2031-2035	Xây dựng TBA 35/500 kV ĐMT Trị An. Xây dựng ĐZ 500 kV 2 mạch đấu nối chuyển tiếp vào 1 mạch ĐZ 500 kV Di Linh - Tân Định	
9	Điện mặt trời hồ Trị An 2	500		2031-2035		
10	Điện mặt trời hồ Trị An 3	500		2031-2035		
11	Điện mặt trời hồ Trị An 4	500		2031-2035		
12	Điện mặt trời hồ Trị An 5	600		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 500 kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 500 kV Di Linh - Tân Định	
13	Điện mặt trời hồ Trị An 6	600		2033-2035	Xây dựng mới ĐZ 500 kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 500 kV Di Linh - Tân Định	
14	Điện mặt trời vùng bán ngập	160		2033-2035	Đấu chuyển tiếp trên đường dây 110 kV Kiểm Tân - Định Quán 2 - Định Quán. Đấu nối về thanh cái 110 kV trạm 110 kV Định Quán 2.	
15	Điện mặt trời hồ Thủy lợi	223		2033-2035	Đấu nối vào lưới 22 kV, 110 kV và 220 kV của khu vực	
	Tỉnh Đồng Tháp		74	249		
1	Điện mặt trời Tháp Mười 1	74	2025-2030		Đấu nối vào ĐZ 110kV Tháp Mười - Trường Xuân - Tam Nông	
2	Điện mặt trời Tháp Mười 2	99		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 110kV Tháp Mười - Trường Xuân - Tam Nông	
3	Điện mặt trời Tân Hồng	50		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 110kV Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	
4	Điện mặt trời Tam Nông	100		2031-2035	ĐZ 110kV An Long - Tam Nông	
	Tỉnh Gia Lai	1030				

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
1	ĐMT KN Ia Ly - Gia Lai	400	2025-2028		Xây mới 2 mạch đường dây 500kV NMDMT KN Ialy - Gia Lai đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 500kV Pleiku - NMTĐ Ialy (điều chỉnh so với phương án đấu nối tại Văn bản số 1870/TTg-CN ngày 31/12/2020 do khó có thể mở rộng được ngăn lộ tại TĐ Ialy)	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Krông Pa 2	39,2	Năm 2025 vận hành một phần dự án, công suất 19MW; Năm 2028 vận hành phần còn lại 20,2MW		TBA nâng 110 kV ĐMT Krông Pa 2, công suất 2x25 MVA. XDM ĐZ 110 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV TĐ Đắk Srông 3A+3B - ĐMT Krông Pa. Khi TBA 220 kV Krông Pa được đầu tư, nghiên cứu chuyển đấu nối ĐMT Krông Pa 2 về TBA 220 kV Krông Pa bằng ĐZ 110 kV.	
3	Phú Thiện	32	2027		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Chư Sê - Ayun Pa	
4	Chư Ngọc - EVNLICOGI 16, giai đoạn 2	20	2026		XDM ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối vào TBA 110 kV Krông Pa	
5	Trang Đức	39,2	2027		TBA nâng 110 kV tại ĐMT Trang Đức, công suất 50 MVA; ĐZ 110 kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Krông Pa - TĐ Đắk Srông 3B. Khi TBA 220 kV Krông Pa được đầu tư, nghiên cứu chuyển đấu nối ĐMT Trang Đức về TBA 220 kV Krông Pa bằng ĐZ 110 kV.	
6	Ayun Pa	20	2027		ĐZ 110 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Ayun Pa - Ea H'leo	
7	Rsurom - Bitexco - TôNa	11,84	2027		Đấu nối vào thanh cái 22 kV NMTĐ Đắk Srông 3B	
8	ĐMT nối Plei Thơ Ga 1 kết hợp hệ thống pin lưu trữ	35	2028		Đấu nối bằng cáp điện áp 220kV chuyển tiếp lên đường dây 220kV TBA 500kV Pleiku - Krong Buk hoặc đấu nối vào 01 ngăn lộ trạm 220kV - 500kV Nhơn Hòa	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
9	ĐMT nối Plei Thor Ga 2 kết hợp hệ thống pin lưu trữ	20	2027	Đấu nối bằng cáp điện áp 220kV chuyển tiếp lên đường dây 220kV TBA 500kV Pleiku - Krong Buk hoặc đấu nối vào 01 ngăn lộ trạm 220kV - 500kV Nhon Hòa	
10	ĐMT Ia Blứ 4	40	2028	Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhon Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)	
11	ĐMT Ia Blứ 3	40	2028	Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhon Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)	
12	ĐMT Ia Blứ A	40	2029	Đấu nối bằng đường dây 220kV về TBA 500kV Nhon Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)	
13	ĐMT Nhon Hòa 2	90	2029	- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 125MVA tại TBA 500kV Nhà máy Điện Gió Nhon Hòa 1. - Xây dựng các xuất tuyến 33 kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33 kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV nhà máy Điện Gió Nhon Hòa 1.	
14	ĐMT Nhon Hòa 1	49	2029	- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 63MVA tại TBA 500kV Nhà máy Điện Gió Nhon Hòa 1. - Xây dựng các xuất tuyến 33 kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33 kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV nhà máy Điện Gió Nhon Hòa 1.	
15	ĐMT Nhon Hòa 1A kết hợp hệ thống Pin lưu trữ	49	2028	- Xây dựng ngăn lộ 220kV, lắp máy biến áp 33/220kV công suất 63MVA tại TBA 500kV Nhà máy Điện Gió Nhon Hòa 1. - Xây dựng các xuất tuyến 33 kV để đấu nối các trạm Inverter về ngăn lộ 33 kV của máy biến áp tăng áp 33/220kV tại TBA 500kV nhà máy Điện Gió Nhon Hòa 1.	
	Thành phố Hà Nội		280		
1	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Suối Hai	120	2025-2030	Đấu nối vào ĐZ 110kV đi TBA 110kV Ba Vì	
2	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Đồng Mô	160	2025-2030	Đấu nối vào ĐZ 110kV trạm 110kV Đại học Quốc Gia	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Hà Tĩnh		412,6	1336		
1	ĐMT Sơn Quang	23,2	2026-2027			Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Cẩm Lạc	100		2031-2032	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng	
3	Nhà máy điện mặt trời Kỳ Sơn giai đoạn 1	50	2026-2028		ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về thanh cái TBA 220kV Vũng Áng (xây mới ngắn lộ)	
4	Nhà máy điện mặt trời Kỳ Sơn giai đoạn 2	200		2031-2032	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về thanh cái TBA 220kV Vũng Áng (xây mới ngắn lộ)	
5	Dự án ĐMT trên các mặt kênh thủy lợi	59,4	2026-2027		Lưới điện phân phối và lưới trung áp khu vực dọc tuyến kênh	
6	Dự án ĐMT trên các mặt kênh thủy lợi	571		2031-2032	Lưới điện phân phối và lưới trung áp khu vực dọc tuyến kênh	
7	Nhà máy điện mặt trời nổi Sông Rác giai đoạn 1	180	2027-2028		Xây dựng Trạm nâng áp 35/500kV Điện mặt trời Sông Rác và ĐZ 500kV mạch đơn đấu nối Nhà máy với TBA 500kV Hà Tĩnh; Mở rộng 01 ngắn lộ 500kV tại TBA 500kV Hà Tĩnh	
8	Nhà máy điện mặt trời nổi Sông Rác giai đoạn 2	220		2031-2032	Xây dựng Trạm nâng áp 35/500kV Điện mặt trời Sông Rác và ĐZ 500kV mạch đơn đấu nối Nhà máy với TBA 500kV Hà Tĩnh; Mở rộng 01 ngắn lộ 500kV tại TBA 500kV Hà Tĩnh	
9	Nhà máy điện mặt trời nổi Kê Gổ 1 giai đoạn 1	100	2026-2027		Xây dựng mới ĐZ 220kV đấu nối vào thanh cái 220kV của TBA 500kV Hà Tĩnh	
10	Nhà máy điện mặt trời nổi Kê Gổ 1 giai đoạn 1	100		2031-2032	Xây dựng mới ĐZ 220kV đấu nối vào thanh cái 220kV của TBA 500kV Hà Tĩnh	
11	Nhà máy điện mặt trời nổi Kê Gổ 2	145		2031-2032	Đấu nối vào TBA 220kV Nhà máy ĐMT nổi hồ Kê Gổ 1	
	Tỉnh Hậu Giang	50		372		
1	ĐMT Sao Mai 1	50	2027		ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối transit vào ĐZ 110kV Long Mỹ - Hồng Dân	
2	ĐMT Sao Mai 1 (mở rộng)	172		2033	XDM ĐZ 4 mạch đấu chuyển tiếp trên ĐZ mạch kép 220kV Sóc Trăng 2 - Châu Thành - Ô Môn. Xây dựng mới Trạm biến áp 33/220kV - 450MVA	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	ĐMT Sao Mai 2	200		2035	XDMĐZ 4 mạch đấu chuyển tiếp trên ĐZ mạch kép 220kV Nhiệt điện Cà Mau - Ô Môn. Xây dựng mới Trạm biến áp 33/220kV - 250MVA	
	Thành phố Huế		290	950		
1	NMĐMT Phong Hoà	40	2027		ĐZ 110 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV ĐMT Phong Điền 2 đến TBA 220 kV Phong Điền	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời A Lưới	105	2027		Xây mới ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối về trạm 220kV NMTĐ A Lưới xuất tuyến A Lưới - Phong Điền	
3	Nhà máy điện mặt trời Điện Hương	95	2027		Xây mới ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối từ thanh cái 110 kV TBA nâng 22/110 kV Nhà máy điện mặt trời Điện Hương đấu nối vào thanh cái TBA 110 kV Mỹ Thủy.	
4	Nhà máy điện mặt trời Phong Điền III	50	2028		Xây mới ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối vào TBA 110kV Phong Điền II	
5	ĐMT Cầu Hai (giai đoạn 1)	350		2031-2035	ĐZ 220 kV 04 mạch đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Huế - Hoà Khánh	
6	ĐMT Tam Giang	600		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép đấu vào TBA 220 kV Phong Điền	
	Tỉnh Khánh Hòa		100			
1	ĐMT Ninh Sim	32	2025-2030			Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Long Sơn - giai đoạn 2	100	2026		Đấu nối vào TBA 220 kV Vân Phong trên cơ sở tận dụng hạ tầng đấu nối của nhà máy điện mặt trời Long Sơn giai đoạn 1, xây dựng 06 mạch đường dây 22 kV NMTĐMT Long Sơn giai đoạn 2 về sân phân phối ĐMT Long Sơn giai đoạn 1	
	Tỉnh Kiên Giang		400			
1	Điện mặt trời trên ao nuôi tôm Giang Thành 1	400	2025-2030		Đấu nối bằng cáp 220kV về TBA 220kV Kiên Bình hiện có: - Tại trạm biến áp 35/220kV dự án Điện mặt trời trên ao nuôi tôm Giang Thành 1, lắp đặt 02 MBA 35/220kV - (2x250) MVA và 02 ngăn xuất tuyến 220kV đi TBA Kiên Bình; - XD ĐZ 220kV, mạch kép n đến TBA 220kV Kiên Bình;	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Kon Tum		550	- Xây dựng 02 ngăn xuất tuyến 220kV mở rộng tại TBA 220kV Kiên Bình.	
1	ĐMT KN Ialy Kon Tum	160	2027-2029	XDM ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp 35/110kV tại NMDMT KN Ialy Kon Tum đến trạm nâng áp 35/110/500kV tại NMDMT KN Ialy - Gia Lai (điều chỉnh so với phương án đấu nối tại Văn bản số 1870/TTg-CN ngày 31/12/2020).	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Ia Toi DT	140	2026	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép chuyển tiếp lên ĐZ 220kV NMTĐ Sê San 3A - TBA 500kV Pleiku	
3	ĐMT Đăk Rơ Sa	50	2027	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối về TBA 110kV Tân Mai Đăk Tô	
4	ĐMT FSI Plei Krông (lòng hồ thủy điện Plei Krông) - Giai đoạn 1	75	2028	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 220kV Kon Tum	
5	ĐMT nối Pleikrông ĐK (giai đoạn 1)	40	2028	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 220kV Kon Tum	
6	ĐMT Ya Tăng	60	2026	Đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220kV TĐ Sê San 3A - TĐ Sê San 3 bằng ĐZ 220kV	
7	ĐMT Sê San 3A (trên lòng hồ thủy điện Sê San 3A) - Giai đoạn 1	25	2026	TBA 220kV ĐMT Sê San 3A - 60MVA; ĐZ 220kV mạch đơn ĐMT Sê San 3A - TĐ Sê San 3A; MR 1 ngắn lộ 220kV tại SPP TĐ Sê San 3A	
	Tỉnh Lai Châu	1060	420		
1	Điện mặt trời Bản Chát 1	250	2030	ĐZ 220kV NR Điện mặt trời Bản Chát 1 (ĐZ 220kV Bản Chát - Huội Quảng)	
2	Điện mặt trời Bản Chát 2	300	2030	ĐZ 220kV NR Điện mặt trời Bản Chát 2 (ĐZ 220kV Bản Chát - Huội Quảng)	
3	Điện mặt trời Huội Quảng 1	100	2028	ĐZ 110kV TBA 110kV NMDMT Huội Quảng 1 - TBA 220kV NMDMT Huội Quảng 2, 3	
4	Điện mặt trời Huội Quảng 2	140	2028	TBA 220kV Huội Quảng 2,3, công suất 450MVA và ĐZ 220kV đấu nối transit trên ĐZ 220kV Huội Quảng - Than Uyên	
5	Điện mặt trời Huội Quảng 3	100	2029	ĐZ 35kV NMDMT Huội Quảng 3 - TBA 220kV NMDMT Huội Quảng 2, 3	
6	Điện mặt trời Nậm Manh	80	2028	ĐZ 110kV mạch đơn ĐMT Nậm Manh - TBA 220kV ĐMT Nậm Hàng	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Điện mặt trời Nậm Hàng	90	2028		TBA 220/110/35kV Nậm Hàng, công suất (250+125) MVA và ĐZ 220kV mạch kép ĐMT Nậm Hàng - TBA 500kV Lai Châu	
8	ĐMT nổi trên hồ TĐ Lai Châu	120		2031-2035	ĐZ 220 kV 04 mạch ĐMT nổi trên hồ TĐ Lai Châu - rẽ Lai Châu - Mường Tè	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
9	ĐMT nổi trên hồ TĐ Bản Chát	200		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi trên hồ TĐ Bản Chát - rẽ Than Uyên - Bản Chát; ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi trên hồ TĐ Bản Chát - rẽ Than Uyên - Huội Quảng	
10	ĐMT nổi Huội Quảng 1 (trên hồ TĐ Huội Quảng)	50		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi Huội Quảng 1 - rẽ Than Uyên - Bản Chát	
11	ĐMT nổi Huội Quảng 2 (trên hồ TĐ Huội Quảng)	50		2031-2035	ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi Huội Quảng 1 - rẽ Than Uyên - Huội Quảng	
	Tỉnh Lâm Đồng		336	70		
1	ĐMT Tam Bố	40	2026-2030		Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Di Linh - Đa Dâng 3	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Đại Ninh	96	2028		Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đức Trọng - Di Linh	
3	Điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Đồng Nai 2	240	2027		Đấu bằng ĐZ 220kV vào TĐ Đồng Nai 2	
4	ĐMT nổi hồ chứa TĐ Krông Nô 3	70		2031-2035	Xây dựng TBA nâng áp 22/110 kV NMDMT Krông Nô 3	
	Tỉnh Long An		268	116		
1	ĐMT TTC Đức Huệ 2	41,4	2025-2030		ĐZ 110 kV đấu nối TC110kV NM ĐMT TTC Đức Huệ 1 hiện hữu đến TC 110 kV TBA 110 kV Đức Huệ	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 7	80	2029		- ĐZ 220 kV từ trạm 220 kV ĐMT Solar Park đấu về thanh cái 220 kV của TBA 500 kV Đức Hòa. Mở rộng ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Đức Hòa. - Lắp đặt 1 máy biến áp 220 kV công suất 125 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. - Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đấu nối về máy biến áp 125 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park.	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	NM ĐMT RedSun	60	2025-2030		Đấu nối vào thanh cái 110kV NMĐMT Gaia hiện hữu theo ĐZ mạch kép 110kV truyền tải điện từ nhà máy Điện mặt trời Gaia về trạm 220kV Long An 2	
4	ĐMT Đức Huệ VNT 1	40	2025-2030		ĐZ 220 kV mạch đơn NMĐMT Đức Huệ VNT 1 đấu nối đến thanh cái 220kV TBA 550kV Đức Hòa. Lắp đặt MBA T1 công suất 63MVA	
5	ĐMT Đức Huệ VNT 2	30	2025-2030		Lắp đặt MBA T2 công suất 63MVA tại NMĐMT Đức Huệ VNT 1	
6	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 06 (giai đoạn 1)	16.6	2030		Lắp đặt 1 MBA 220 kV, công suất 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đấu nối về máy biến áp 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park	
7	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 06 (giai đoạn 2)	36		2031	Lắp đặt 1 MBA 220 kV, công suất 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đấu nối về máy biến áp 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park	
8	Nhà máy điện mặt trời Solar Park 8	80		2031	Lắp đặt 1 MBA 220 kV, công suất 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park. Xây dựng các đường cáp ngầm trung thế đấu nối về MBA 63 MVA tại trạm 220 kV ĐMT Solar Park	
	Tỉnh Nghệ An		360			
1	Nhà máy điện mặt trời hồ Khe Gỗ	200	2029-2030		Đấu nối về thanh cái 110kV của TBA 220kV Quỳnh Lưu	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Vực Mầu	160	2029-2030		Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 220kV Quỳnh Lưu - Nghi Sơn	
	Tỉnh Ninh Thuận		1924	3819,5		
1	ĐMT Phước Thái 2	87	2025-2030		Đấu nối vào thanh cái 22 kV TBA 220 kV Phước Thái	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Phước Thái 3	43,5	2025-2030		Đấu nối vào thanh cái 22 kV TBA 220 kV Phước Thái	
3	ĐMT Phước Hữu 2	184	2026-2030		XD ĐZ 220kV mạch kép đấu nối TC TBA 220kV Ninh Phước	
4	ĐMT Phước Trung	40	2026-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Nha Trang	
5	Điện mặt trời Bắc Ái 7 hồ Sông Cái	70	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐMT Hồ Bắc Ái đấu nối transit trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Đa Nhim	
6	ĐMT Nhị Hà Solar Farm	80	2025-2030		Xây dựng ĐZ mạch đơn 220kV Đấu về thanh cái 220 kV trạm 500/220 kV Thuận Nam	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Điện mặt trời hồ Sông Sắt	70	2025-2030	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ NMĐMT Hồ Sông Sắt đầu nối transit trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Nha Trang	
8	Nhà máy điện mặt trời Đông Quán Thê	250	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220kV Vĩnh Tân - trạm cắt 220kV Quán Thê, xây dựng TBA 35/220kV Đông Quán Thê với quy mô 03 MBA 35/220kV công suất 160MVA, ĐZ mạch kép 220kV từ TBA 35/220kV Đông Quán Thê đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV TC Quán Thê - TBA 220/500kV Vĩnh Tân.	
9	ĐMT Mỹ Sơn - Hoàn Lộc Việt giai đoạn 2	50	2025-2030	Đầu nối về TBA 220kV Mỹ Sơn - Hoàn Lộc Việt (hiện hữu của GD 1)	
10	ĐMT Hacom Solar Giai đoạn 2	50	2025-2030	Đầu nối về ngăn lộ 220kV TBA 220kV NMĐMT Hacom Solar	
11	Dự án ĐMT hồ CK7	50	2025-2030	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Thuận Nam	
12	Điện mặt trời Ninh Phước 6.3	50	2025-2030	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV NMĐMT Ninh Phước 6.3 đầu nối transit trên ĐZ 220kV Ninh Phước - 500kV Ninh Sơn	
13	ĐMT Hồ Sông Than	50	2025-2030	Đường dây 220kV ĐMT Hồ Sông Than - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	
14	ĐMT Hòa Sơn Dốc Dài	400	2025-2030	Đường dây 220kV ĐMT Hòa Sơn Dốc Dài - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	
15	ĐMT Bắc Ái 1	150	2025-2030	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ ĐMT Bắc Ái 1 đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đa Nhim - Tháp Chàm 2	
16	ĐMT Ninh Sơn 1	73,5	2025-2030	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm biến áp 220kV ĐMT Ninh Sơn 1 đầu nối transit trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Trạm biến áp 500kV Ninh Sơn	
17	Nhà máy điện mặt trời Đông Quán Thê 2	50	2025-2030	Đầu nối về trạm cắt 220kV Quán Thê với khối lượng như sau: - Đầu tư MBA T2 35/220kV - 63MVA tại vị trí dự phòng của TBA BIM 3 và các thiết bị đồng bộ, hoàn thiện sơ đồ đầu nối TBA 220kV BIM 3 - Mở rộng 1 ngăn lộ xuất tuyến 220kV TBA BIM 3 đi Trạm cắt Quán Thê - Treo mạch 2 đường dây 220kV BIM3 - Trạm cắt Quán Thê.	
18	ĐMT Hòa Sơn Suối Ông 4	350	2025-2030	- Mở rộng 1 ngăn lộ 220kV tại Trạm cắt Quán Thê (271) Đường dây 220kV ĐMT Hòa Sơn Suối Ông 4 - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
19	ĐMT Phước Ninh mở rộng GD 2	50	2025-2030		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép ACSR 2x330 từ trạm nâng áp 220kV ĐMT Phước Ninh mở rộng đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ trạm 500kV Thuận Nam đi trạm 500kV Vĩnh Tân	
20	ĐMT Nhị Hà Solar Farm (GD2)	50		2031-2035	Xây dựng ĐZ mạch đơn 220kV đầu về thanh cái 220 kV trạm 500/220 kV Thuận Nam	
21	Dự án ĐMT hồ CK7 (GD2)	100		2031-2035	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Thuận Nam	
22	Dự án ĐMT Ninh Phước 7	200		2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Ninh Sơn	
23	Nhà máy điện mặt trời Đồng Quán Thê (GD2)	50		2031-2035	NMĐMT Đồng Quán Thê đầu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220kV Vĩnh Tân - trạm cắt 220kV Quán Thê, xây dựng TBA 35/220kV Đồng Quán Thê với quy mô 03 MBA 35/220kV công suất 160MVA và 02 ngăn xuất tuyến ĐZ 220kV, dự phòng vị trí 01 ngăn ĐZ 220kV đi TBA 220kV Cà Ná. - ĐZ mạch kép 220kV từ TBA 35/220kV Đồng Quán Thê đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV TC Quán Thê - TBA 220/500kV Vĩnh Tân	
24	ĐMT Hòa Sơn Suối ông 4	50		2031-2035	Đường dây 220kV ĐMT Hòa Sơn Suối Ông Bốn - TBA 500 kV Ninh Sơn mạch kép	
25	ĐMT Bắc Ái 7 hồ Sông Cái	60		2031-2035	Đầu nối transit trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Đa Nhim	
26	Điện mặt trời Ninh Phước	276		2031-2035	Đầu nối chuyển tiếp trên 1 mạch của ĐZ 220kV Ninh Phước - trạm 500kV Ninh Sơn; với các hạng mục đầu tư xây dựng phục vụ đầu nối như sau: - Xây dựng mới TBA 220kV ĐMT Ninh Phước công suất 2x150MVA để gom công suất NMĐMT Ninh Phước; - Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đầu nối NMĐMT Ninh Phước chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220kV Ninh Phước - trạm 500kV Ninh Sơn.	
27	ĐMT Hồ Bà Râu	80		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Cam Ranh - Tháp Chàm	
28	ĐMT Phước Ninh mở rộng GD 2	38		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng áp 220kV ĐMT Phước Ninh mở rộng đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ trạm 500kV Thuận Nam đi trạm 500kV Vĩnh Tân (sử dụng chung	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
				đường dây truyền tải dự án ĐMT Phước Ninh mở rộng GD 2 công suất 50 MW)	
29	ĐMT hồ Trà Co	40	2031-2035	Xây dựng 2 mạch ĐZ 220kV ĐMT Hồ Trà Co chuyển tiếp trên một mạch ĐZ 220kV ĐMT Thiên Tân Solar - Nha Trang	
30	ĐMT 7A	50	2031-2035	Gom công suất về TBA 110kV NMĐG 7A hiện hữu bằng ĐZ 22kV mạch kép (truyền tải lên lưới điện quốc gia bằng ĐZ 110kV từ NMĐG 7A đi TBA 220kV Ninh Phước mạch kép	
31	Dự án ĐMT hồ Cho Mo	80	2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Tháp Chàm - Đa Nhim	
32	Điện mặt trời Nhị Hà - Giai đoạn 2	150	2031-2035	Năng công suất TBA ĐMT 220kV Nhị Hà từ 63MVA thành (63+150)MVA	
33	Điện mặt trời hồ Núi Một 2	80	2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐMT hồ Núi Một 2 đấu nối về trạm 220kV Ninh Phước	
34	ĐMT hồ Tân Giang	50	2031-2035	Đầu nối bằng cáp điện áp 220kV vào TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2. Các hạng mục đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp 220kV phục vụ đấu nối như sau: + Xây dựng TBA 22/220kV NMĐMT hồ Tân Giang công suất 1x50MVA; + Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn đầu vào TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2 + Đầu tư mở rộng 1 ngăn lộ ĐZ 220kV tại TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2.	
35	ĐMT Hồ Tà Ranh	39.5	2031-2035	Đầu nối bằng cáp điện áp 220kV vào TBA 220kV NMĐMT Thiên Tân 1.2	
36	ĐMT Thuận Nam 11	50	2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Ninh Phước	
37	ĐMT Hòn Khô	120	2031-2035	Đầu chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Tháp Chàm - Nha Trang	
38	Nhà máy Điện mặt trời Bắc Ái 14	80	2031-2035	Đường dây 110kV mạch kép ĐMT Bắc Ái 14 - TBA 220kV Tháp Chàm	
39	Nhà máy điện mặt trời HIẾU THIÊN	120	2031-2035	Đầu nối thanh cái 220kV trạm 220 KV Ninh Phước	
40	Nhà máy điện mặt trời Phước Chiến	200	2031-2035	ĐZ 220kV từ NMĐG Bắc Sơn đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
41	Nhà máy điện mặt trời Tây Quán Thẻ	100	2031-2035	Đấu nối về ngăn lộ 110kV của MBA 35/110/220kV-250MVA hiện hữu thuộc TBA 220kV ĐMT Bim 2. Đầu nối lên lưới 220kV thông qua ĐZ 220kV BIM2-Trạm cắt Quán Thẻ - rẽ Vĩnh Tân - Thuận Nam; - Mở rộng 1 ngăn lộ xuất tuyến 220kV TBA BIM 2 - Treo mạch 2 ĐZ 220kV BIM2 - Trạm cắt Quán Thẻ; - Mở rộng 1 ngăn lộ 220kV tại vị trí dự phòng tại Trạm cắt Quán Thẻ (276).	
42	Nhà máy điện mặt trời Tri Hải	100	2031-2035	Nhà máy điện mặt trời Tri Hải đấu nối về TBA 220kV NMDG Tri Hải với khối lượng như sau: - Đầu tư MBA T2 33/220kV - công suất 125MVA. Nhà máy điện mặt trời Tri Hải đấu nối MBA T2. - Đầu tư mở rộng các ngăn lộ 220kV tại TBA 220kV NMDG Tri Hải đồng bộ với MBA T2.	
43	Dự án Điện mặt trời kết hợp sản xuất Hydrogen xanh Nhị Hà 5	160	2031-2035	Xây dựng trạm 220kV đấu nối về 220kV Nhị Hà (250+125)MVA	
44	Dự án Điện mặt trời kết hợp sản xuất Hydrogen xanh Thuận Nam 1	140	2031-2035	Xây dựng trạm 220kV đấu chuyển tiếp trên 2 mạch Phước Thái - Ninh Phước (250+125) MVA	
45	Nhà máy điện mặt trời Ninh Sơn 2	90	2031-2035	Đề xuất xây dựng trạm cắt trạm 220kV đấu nối vào trạm biến áp 500kV Ninh Sơn	
46	Nhà máy điện mặt trời Bắc Ái 2	160	2031-2035	Xây dựng trạm cắt trạm 220kV đấu nối vào TBA 500kV Ninh Sơn	
47	Nhà máy điện mặt trời Bắc Ái 3	200	2031-2035	Đề xuất xây dựng trạm cắt trạm 220kV đấu nối vào trạm biến áp 500kV Ninh Sơn	
48	Nhà máy Điện mặt trời Nhị Hà	100	2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ TBA 110kV NMDMT Nhị Hà đến đầu nối vào TBA 110kV KCN Cà Ná	
49	Dự án Điện mặt trời Thái Vĩnh 1	120	2031-2035	220kV đấu nối chuyển tiếp trên 2 mạch ĐZ 220kV Tháp Chàm Phước Thái - (2x250)MVA	
50	Dự án Điện mặt trời Thái Vĩnh 2	120	2031-2035	220kV đấu nối chuyển tiếp trên 2 mạch ĐZ 220kV Tháp Chàm Phước Thái - (2x250)MVA	
51	Dự án Điện mặt trời Quảng Sơn 2	96	2031-2035	220kV đấu nối đến 500kV Ninh Sơn - (250+150) MVA, chung đầu nối với Quảng Sơn 1	
52	Nhà máy điện mặt trời Thái Vĩnh 3	120	2031-2035	Xây dựng trạm 220kV đấu nối về 220kV Phước Thái - 250MVA	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
53	Nhà máy điện mặt trời mặt trời Bác Ái 11 kết hợp hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS)	100		2031-2035	Đấu nối nhà máy ĐMT Bác Ái 11 bằng ĐZ mạch kép chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ninh Phước - Tháp Chàm	
54	Nhà máy điện mặt trời mặt trời Phước Hà kết hợp hệ thống lưu trữ năng lượng (BESS)	100		2031-2035	Dự kiến đấu nối chuyển tiếp lên 01 mạch ĐZ 220 kV Thuận Nam - Ninh Phước	
55	Nhà máy điện mặt trời Bác Ái 1.1	150		2031-2035	Xây dựng mới TBA 22kV/220kV, công suất 2x125MVA đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đa Nhim - Nha Trang hiện có	
	Tỉnh Phú Thọ		100			
1	Điện năng lượng mặt trời tập trung	100	2026-2030		Đấu nối vào lưới điện trung, hạ áp	
	Tỉnh Phú Yên		955			
1	ĐMT nổi hồ Sông Hình	200	2028-2029		ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 110kV TĐ Sông Hình	
2	ĐMT nổi Hồ Sông Hình 3	200	2028-2029		ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 110kV TĐ Sông Hình	
3	Nhà máy điện mặt trời nổi trên lòng hồ Nhà máy Thủy điện Sông Ba Hạ	220	2028-2029		XDM TBA 220kV ĐMT nổi Sông Ba Hạ công suất 50MVA. Xây dựng ĐZ 220kV ĐMT nổi Sông Ba Hạ - TĐ Sông Ba Hạ.	
4	Nhà máy Điện mặt trời Tây Hòa 1	50	2028-2029		ĐZ 110 kV Đấu nối vào trạm 220kV ĐMT Tây Hòa 3	
5	Nhà máy điện ĐMT Tây Hòa 2	60	2028-2029		Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110kV Sơn Hòa - 220kV Tuy Hòa	
6	Nhà máy điện ĐMT Tây Hòa 3	70	2028-2029		Chuyển tiếp vào ĐZ 220kV TBA Tuy Hòa - TĐ Sông Ba Hạ	
7	Nhà máy ĐMT Đa Lộc Phú Yên	55	2028-2029		Đường dây 110kV đấu nối vào TBA 110kV Đồng Xuân	
8	Nhà máy ĐMT Xuân Quang Phú Yên	100	2028-2029		Đường dây 110kV đấu nối vào TBA 110kV Đồng Xuân	
	Tỉnh Quảng Bình		410			
1	Nhà máy điện mặt trời Lệ Thủy	60	2025-2030	2030	XDM trạm 220kV ĐMT Lệ Thủy công suất 2x125MVA; Xây dựng mới ĐZ mạch kép đấu trạm 220kV ĐMT Lệ Thủy chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Đồng Hà - ĐG B&T1.	
2	Nhà máy điện mặt trời Quảng Bình 1	120	2025-2030	2028	Chuyển tiếp lên ĐZ 220kV mạch kép Đồng Hới - Ba Đồn	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
3	Nhà máy điện mặt trời Quảng Bình 2	80	2025-2030	2028	Chuyển tiếp lên ĐZ 220kV mạch kép Đồng Hới - Ba Đồn	
4	Dự án điện mặt trời tích hợp hệ thống pin lưu trữ 240 MWh Quảng Bình	150	2025-2030	2028	Đầu nối vào ĐZ, TBA 220 kV BT1 và TBA 220KV BT2	
	Tỉnh Quảng Ngãi	140				
1	ĐMT Đầm Nước Mặn	40	2030		Đầu nối ở cấp điện áp 110 kV	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Lâm Bình	100	2030		Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Quảng Ngãi - Phù Mỹ	
	Tỉnh Quảng Ninh		390			
1	ĐMT (Hồ) Yên Lập	140	2027-2028		ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV Trảng Bạch - Yên Hưng - ND Uông Bí	
2	ĐMT (Hồ) Khe Chè	50	2027-2028		ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV ND Phả Lại - ND Mạo Khê	
3	ĐMT (Hồ) Quất Đông	50	2027-2028		ĐZ 110kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 110kV Hải Hà - Texhong - Móng Cái	
4	ĐMT (Hồ) Đầm Hà Động	50	2027-2028		ĐZ 220kV mạch kép, đầu nối transit vào ĐZ 220kV Cẩm Phả - Hải Hà	
5	ĐMT Đầm Hà	100	2027-2028		ĐZ 220kV mạch kép, đầu nối transit vào ĐZ 220kV Cẩm Phả - Hải Hà	
	Tỉnh Quảng Trị		270	581		
1	Dự án điện mặt trời nổi Triệu Thượng 1,2	70	2025-2030		Đầu nối chuyển tiếp trên 2 mạch ĐZ 110kV Trạm 220kV Đồng Hà - Trạm 220kV Phong Điền	
2	Dự án điện mặt trời Triệu Sơn 1	50	2025-2030		Đầu nối về TBA 110 kV Mỹ Thủy	
3	Dự án Nhà máy điện mặt trời Trúc Kính 2	100	2025-2030		XDM ĐZ 220 kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220 kV Đồng Hà - Đồng Hới	
4	Dự án Nhà máy điện mặt trời Hà Thượng	50	2025-2030		XDM ĐZ 220 kV mạch kép đầu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220 kV Đồng Hà - Đồng Hới	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Dự án điện mặt trời Hải Quy, huyện Hải Lăng	50		2031-2035	ĐZ 110kV mạch đơn đầu nối từ Nhà máy điện mặt trời Hải Quy đến thanh cái 110kV của TBA 110kV Diên Sanh hiện có	
6	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Kinh Môn 1	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời nổi và pin lưu trữ Kinh Môn - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
7	Dự án điện mặt trời Hải Dương, huyện Hải Lăng	65		2031-2035	Đầu nối cấp điện áp 110kV về thanh cái TBA 110kV Mỹ Thủy bằng ĐZ 110kV mạch đơn	
8	Dự án điện mặt trời nổi Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị 2	40		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ NM ĐMT nổi Quảng Trị đến TBA 220kV Lao Bảo	
9	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Kinh Môn 2	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời nổi và pin lưu trữ Kinh Môn - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
10	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi hồ Trúc Kinh 3	40		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng áp nhà máy ĐMT nổi hồ Trúc Kinh - Rẽ 1 mạch ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
11	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi Bảo Đài	96		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV 2 mạch phân pha từ TBA 220kV Bảo Đài đến ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
12	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi La Ngà	70		2031-2035	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV La Ngà đến ĐZ 220kV Đông Hà - Đồng Hới	
13	Dự án nhà máy điện mặt trời nổi pin lưu trữ hồ Đập Trám	140		2031-2035	Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn đầu nối vào thanh cái 110kV của TBA Diên Sanh	
	Tỉnh Sóc Trăng		50			
1	ĐMT Phán trường Thạnh Trị	50	2030		ĐZ 110 kV mạch đơn đầu về thanh cái TBA 110kV Thạnh Trị. Mở rộng thanh cái TBA 110kV Thạnh Trị.	
	Tỉnh Sơn La		3315	1050		
1	Bắc Yên 1	55	2028		- Xây dựng trạm 220 kV ĐMT Bắc Yên 1, công suất 200 MVA để truyền tải công suất của các nhà máy ĐMT Bắc Yên 1 (55 MW), NM ĐMT Bắc Yên 2 (50 MW), NM ĐMT Bắc Yên 3 (50 MW). - Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220 kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ.	
2	Bắc Yên 2	50	2028		- Xây dựng trạm biến áp 22 kV Bắc Yên 2. XD ĐZ 22 kV 4 mạch từ nhà máy ĐMT Bắc Yên 2 về trạm 220 kV Bắc Yên 1	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
3	Bắc Yên 3	50	2028	- Xây dựng trạm biến áp 22 KV Bắc Yên 3. XD ĐZ 22 kV 4 mạch từ nhà máy ĐMT Bắc Yên 3 về trạm 220 kV Bắc Yên 1	
4	Mai Sơn 1	50	2028	Xây dựng TBA 220 kV công suất 150 MVA tại khu vực bản Tân Thào, xã Cò Nòi để truyền tải công suất của Mai Sơn 2 50 MW và Mai Sơn 3 công suất 60 MW; Xây dựng ĐZ 220 kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Sơn La - Việt Trì	
5	Mai Sơn 2	60	2028	Xây dựng ĐZ 35kV 4 mạch đấu nối về phía 35kV trạm 220kV Mai Sơn 2	
6	Mường La 1	40	2028	TBA và ĐZ 220kV mạch kép đấu nối ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	
7	Mường La 2	50	2029	Đường dây 220kV đấu nối TBA 220kV Mường La 1	
8	ĐMT nối lòng hồ thủy điện Sơn La	800	2027-2029	Xây dựng TBA nâng áp và ĐZ 500kV đấu nối TBA 500kV Sơn La	
9	Sông Mã 1	50	2030	Đấu nối cấp điện áp 110 kV vào trạm 220kV Sông Mã	
10	Sông Mã 2	50	2030	Đấu nối cấp điện áp 110 kV vào trạm 220kV Sông Mã	
11	Sông Mã 3	60	2030	- Xây dựng trạm 110 kV Điện Mặt trời Sông Mã 3 công suất 100MVA - Xây dựng ĐZ 110 kV mạch đơn đầu vào TBA 110 kV thủy điện Mường Lầm	
12	Tổ hợp sản xuất điện sạch tích năng Chim Vàn - Cụm nhà máy ĐMT và Pin tích năng Phiêng Păn	1000	2027-2030	Xây dựng ĐZ và TBA 500kV ĐMT Phiêng Păn đấu nối TBA 500kV Mai Sơn 8	
13	Mai Sơn 4	75	2028	Xây dựng ĐZ 110 kV đấu nối về trạm 500 kV Mai Sơn	
14	Mai Sơn 5	210	2028	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ Trạm 110kV Mai Sơn 5 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
15	Mai Sơn 6	75	2028	Đấu nối về phía 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
16	Mai Sơn 7	270	2028	Xây dựng trạm 500 kV Mai Sơn 7 công suất 2700 MMA; Xây dựng ĐZ 500 kV từ TBA 500kV Mai Sơn - Việt Trì	
17	Mai Sơn 8	85	2028	Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm 110kV Mai Sơn 8 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
18	Mai Sơn 9	70	2028		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Trạm 110kV Mai Sơn 9 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
19	Yên Châu 4	135	2028		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Trạm 110kV Yên Châu 4 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
20	Yên Châu 5	80	2028		Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm 110kV Yên Châu 5 đấu nối về thanh cái 110kV trạm 500kV Mai Sơn 7	
21	Dự án ĐMT nối Sơn La 1.1 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV ĐMT nối Sơn La 1.1 - rẽ Sơn La - Điện Biên	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
22	Dự án ĐMT nối Sơn La 1.2 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nối Sơn La 1.2 - ĐMT nối Sơn La 1.1	
23	Dự án ĐMT nối Sơn La 2 (trên hồ TĐ Sơn La)	350		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV 4 mạch ĐMT nối Sơn La 2 - rẽ Huội Quảng - Sơn La	
	Tỉnh Tây Ninh		450	314		
1	Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 5	450	2025-2030		Xây dựng mới TBA 220kV Dầu Tiếng 5 và ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV Dầu Tiếng 5 đấu nối TBA 220kV Tây Ninh.	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời Tân Châu - Tuấn Dung giai đoạn 1	314		2031-2035	Xây dựng mới ĐZ 220kV đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Bình Long - Tây Ninh	
	Tỉnh Thái Nguyên		220			
1	Nhà máy điện mặt trời nối Hồ Núi Cốc	220	2025-2030		Đấu nối vào thanh cái trạm 110kV Hồ Núi Cốc	
	Tỉnh Thanh Hóa		333	52		
1	Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thanh Hóa I	128	2030		ĐZ 110kV bốn mạch từ trạm nâng áp 22/110kV ĐMT Thanh Hóa 1 đấu chuyển tiếp trên 02 mạch ĐZ 110kV từ 220kV Nghi Sơn - 220kV Thanh Hóa	
2	Nhà máy điện mặt trời Ngọc Lặc	45	2029		ĐZ 110kV ĐMT Ngọc Lặc - Ngọc Lặc	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
3	Điện mặt trời Long Sơn - Thanh Hóa	80	2028		Đường dây 110kV mạch kép, từ trạm nâng áp 22/110 kV ĐMT Long Sơn đấu nối về thanh cái TBA 110kV XM Long Sơn 2	
4	Điện mặt trời hồ Yên Mỹ 1	80	2027		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV NMDMT hồ Yên Mỹ chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nông Cống - Nghi Sơn	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Điện mặt trời hồ Yên Mỹ 2	52		2031-2035	Đấu nối vào đường dây 110kV/220kV hiện trạng	
	Tỉnh Trà Vinh		50			
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời Trà Vinh - Giai đoạn 2	50	2026		- Lắp đặt thêm MBA 1x63MVA đấu nối vào TBA 220 kV nhà máy điện mặt trời Trung Nam - Trà Vinh hiện hữu. - Nâng cấp tuyến ĐZ 220KV NMDMT Trung Nam Trà Vinh - Đấu nối TBA 500kV Duyên Hải hiện hữu	
	Tỉnh Tuyên Quang		198	200		
1	Các dự án điện mặt trời nổi lưới	198	2025-2030		Đấu nối vào lưới phân phối 110kV, trung áp, hạ áp tại địa phương	
2	Dự án ĐMT nổi Tuyên Quang 1 (trên hồ TĐ Tuyên Quang)	80		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV mạch kép ĐMT nổi Tuyên Quang 1 - ĐMT nổi Tuyên Quang 2	Có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 nếu điều kiện thuận lợi
3	Dự án ĐMT nổi Tuyên Quang 2 (trên hồ TĐ Tuyên Quang)	120		2031-2035	XDM ĐZ 220 kV ĐMT nổi Tuyên Quang 2 - rẽ TĐ Tuyên Quang - Bắc Kạn; ĐZ 220 kV ĐMT nổi Tuyên Quang 2 - rẽ TĐ Tuyên Quang - Yên Sơn	
	Tỉnh Vĩnh Long	50				
1	Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Long 1	50	2026-2030		Đường dây 110kV mạch kép NMDMT Vĩnh Long 1 đấu nối vào ĐZ 110kV Bình Minh - Cầu Kè	
	Tỉnh Yên Bái	1630				
1	ĐMT Yên Bình	500	2027-2029		- Đối với Cụm Cẩm Ân: XDM TBA tăng áp 22/220kV công suất 3x63MVA. XDM ĐZ 220kV mạch kép từ NMD MT Yên Bình chuyển tiếp 1 mạch ĐZ 220kV Bảo Thắng - Yên Bái; - Đối với cụm Phúc An: XDM TBA 22/220kV công suất 7x63MVA, XDM ĐZ 220kV mạch kép từ NMD MT Yên Bình chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang.	
2	ĐMT nổi Hồ Thác Bà	500	2026-2027		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về thanh cái 220kV trạm 220kV Yên Bái.	
3	ĐMT Mỹ Gia 2	580	2027-2029		Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng 220kV nhà máy ĐMT nổi hồ Thác Bà đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Yên Bái - Tuyên Quang.	
4	ĐMT Tân Lĩnh	50	2030		Xây dựng TBA tăng áp 22/110kV công suất 1x63MVA; Xây dựng ĐZ 110kV mạch đơn từ Nhà máy điện mặt trời Tân Lĩnh đấu nối vào ngăn lộ 110kV TBA 220kV Lục Yên	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	TP Cần Thơ	50			
1	ĐMT tập trung	50	2025-2030	Đấu nối vào lưới điện phân phối trung, hạ áp	
	Tỉnh Lào Cai	100			
1	ĐMT tập trung khác	100	2025-2030	Phương án đấu nối dự kiến được đề xuất trong kỳ tiếp theo	
	Tỉnh Hà Nam	50			
1	ĐMT tập trung tỉnh Hà Nam	50	2025-2030	Đấu nối bằng cáp điện áp 35 kV	

Ghi chú:

-Tiến độ vận hành lưới điện đấu nối đồng bộ với tiến độ nguồn điện.

Bảng 15: Danh mục các dự án điện sinh khối có công suất từ 50 MW trở lên và dự án có công suất nhỏ hơn 50 MW đấu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Yên Bái	158		
1	Nhà máy điện sinh khối Yên Bái 1	50	2027	QĐ 262/QĐ-TTg. ĐZ 110kV mạch đơn đấu về TBA 110 kV Văn Yên
2	Nhà máy điện sinh khối Trường Minh	58	2030	QĐ 262/QĐ-TTg. XDM ĐZ 220 kV Trường Minh - Yên Bái
3	Điện sinh khối Lục Yên	50	32 MW vận hành năm 2029; 18 MW vận hành năm 2031	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Lục Yên - Bảo Thắng
	Tỉnh Bắc Kạn	50		
1	NMĐ sinh khối Bắc Kạn 1	50	2028	QĐ 1682/QĐ-TTg (35 MW), điều chỉnh công suất. ĐZ 110 kV mạch kép ĐSK Bắc Kạn 1 - rẽ Bắc Kạn - Phú Lương
	Tỉnh Lào Cai	50		
1	ĐSK Bảo Thắng	50	2026-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg (30 MW), điều chỉnh công suất. XDM ĐZ 110 kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV TBA Gang thép Lào Cai - TBA 220 kV Bảo Thắng
	Tỉnh Tuyên Quang	100		
1	Nhà máy điện sinh khối Tuyên Quang	50	2028	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện sinh khối Tuyên Quang (GĐ 2)	50	32 MW GĐ 2025-2030, 18 MW GĐ 2031-2035	ĐZ 110 kV mạch kép Hàm Yên - Xi măng Tân Quang
	Tỉnh Phú Thọ	50		
1	Nhà máy điện sinh khối Phú Thọ	50	20 MW GĐ 2025-2030, 30 MW GĐ 2031-2035	Đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Phố Vàng - Tân Sơn
	Tỉnh An Giang	104		
1	Nhà máy điện sinh khối An Giang 1	50	2026-2030	QĐ 1682/QĐ-TTg. XDM ĐZ 110 kV mạch kép đấu nối vào TBA 110 kV Tri Tôn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
2	Nhà máy điện sinh khối An Giang 2	54	2031-2035	ĐZ 110 kV NMĐ sinh khối An Giang 2 - Cái Dầu
	Tỉnh Điện Biên	55		
1	NMĐ sinh khối Mường Nhé (Nậm Kè - 30 MW và Chung Chải - 25 MW)	55	2026-2030	ĐZ 110 kV mạch kép NMĐ sinh khối MSS Chung Chải - TBA 220 kV Nậm Pồ
	Tỉnh Hoà Bình	100		
1	NMĐ sinh khối Hoà Bình	100	75 MW vận hành năm 2029; 25 MW vận hành năm 2031	QĐ 1682/QĐ-TTg (30 MW), điều chỉnh công suất lên 75 MW GĐ 2025-2030, XDM ĐZ 110 kV mạch kép ĐSK Hoà Bình - Xuân Thiện
	Tỉnh Phú Yên	50		
1	Dự án điện sinh khối Thuận Phát	50	2028-2029	ĐZ 110 kV đấu nối vào ĐZ 110 kV Sông Hình - Tuy Hòa
	Tỉnh Quảng Bình	172		
1	NMĐ sinh khối Quảng Bình	50	2029	QĐ 1682/QĐ-TTg (10 MW), điều chỉnh tăng thêm 40 MW. ĐZ 110 kV mạch đơn đấu vào TBA 110 kV Tây Bắc Quán Hâu
2	NMĐ sinh khối PIR-1 Quảng Bình	50	2028	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Áng Sơn - Vĩnh Linh
3	NMĐ sinh khối An Việt Phát Quảng Bình giai đoạn 1	58	2028	Đấu nối ngăn lộ TBA 220 kV thị xã Ba Đồn
4	NMĐ sinh khối An Việt Phát Quảng Bình giai đoạn 2	14	2033	Đấu nối ngăn lộ TBA 220 kV thị xã Ba Đồn
	Tỉnh Quảng Nam	100		
1	Dự án Điện Sinh khối Tiên Phước	50	2031-2035	ĐZ 110 kV đấu nối vào lưới điện khu vực
2	Dự án Điện Sinh khối Quảng Nam	50	2031-2035	ĐZ 110 kV đấu nối vào lưới điện khu vực
	Tỉnh Quảng Ngãi	50		
1	Điện sinh khối Tư Nghĩa	50	7 MW GĐ 2025-2030; 43 MW GĐ 2031-2035	Đấu nối bằng ĐZ 110 kV về TBA 110 kV Quảng Phú
	Tỉnh Thanh Hóa	110		

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	Điện sinh khối Thanh Hóa 1	50	2029	Đầu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Ngọc Lặc - Thiệu Yên
2	Điện sinh khối Thanh Hóa 2	60	2029	Đầu nối chuyển tiếp trên mạch 2 ĐZ 110 kV Thiệu Yên - Bá Thước
	Tỉnh Bình Định	50		
1	NMĐ sinh khối Bình Định	50	2028 - 2029	ĐZ 110 kV NMĐ sinh khối Bình Định - Phù Cát
	Tỉnh Đắk Lắk	120		
1	NMĐ sinh khối Đắk Lắk	120	2025-2028	ĐZ 220kV mạch đơn từ NMĐ sinh khối Đắk Lắk - Krông Ana, TBA nâng phù hợp công suất NMĐ
	Tỉnh Gia Lai	106		
1	Nâng công suất NMĐ sinh khối An Khê (mở rộng)	40	2027	Công suất hiện hữu là 95 MW, mở rộng thêm 40 MW. ĐZ 220 kV đầu nối vào TBA 220 kV NMĐ sinh khối An Khê hiện hữu. Thay MBA 63 MVA bằng MBA 115 MVA.
2	Cụm NMĐ sinh khối xã Gào (3 nhà máy)	66	2035	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Diên Hồng - Chư Sê
	TP Cần Thơ	150		
1	NMĐ sinh khối Cần Thơ	150	2025-2035	ĐZ 110 kV Long Xuyên 2 - Vĩnh Thạnh
	Tỉnh Long An	75		
1	NMĐ sinh khối Long An	75	33 MW vận hành 2028 42 MW vận hành 2032	QĐ 1682/QĐ-TTg (13 MW). Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV NMĐMT GAIA - Long An 2
	Tỉnh Bình Phước	50		
1	NMĐ sinh khối Bình Phước	50	2025-2030	Đầu nối vào TBA 110 kV Bình Long
	Tổng công suất	1.700		

Ghi chú:

-Tiến độ vận hành lưới điện đầu nối đồng bộ với tiến độ nguồn điện.

Bảng 16: Danh mục các dự án điện sản xuất từ rác có công suất từ 50 MW trở lên và dự án có công suất nhỏ hơn 50 MW đấu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	TP. Hà Nội	150		
1	Dự án Nhà máy điện rác Sóc Sơn	90	2025	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Dự án cải tạo môi trường và đốt rác phát điện Hà Nội	60	2029	ĐZ 110 kV mạch kép đấu nối từ TBA 110 kV của Dự án về TC 110 kV TBA 220 kV Sóc Sơn
	TP. Hồ Chí Minh	260		
1	Dự án nhà máy đốt rác phát điện Công ty TNHH Xử lý chất thải Việt Nam (VWS)	60	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110 kV Trạm 220 kV Bình Chánh - Trạm 110 kV DEPOT Đa Phước
2	Nhà máy đốt rác phát điện Công ty Cổ phần Đầu tư Tâm Sinh Nghĩa giai đoạn 1 (điều chỉnh công suất từ 40 MW lên thành 60 MW)	60	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép từ Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa đấu vào thanh trụ T38E thuộc dự án Nhánh rẽ đường dây 110 kV đấu nối TBA 110 kV Phước Hiệp
3	Nhà máy đốt rác phát điện Công ty Cổ phần Đầu tư Tâm Sinh Nghĩa giai đoạn 2	140	2025-2030	ĐZ 110 kV mạch kép từ Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa đấu vào thanh trụ T38E thuộc dự án Nhánh rẽ đường dây 110 kV đấu nối TBA 110 kV Phước Hiệp
	Tổng công suất	410		

Ghi chú:

-Tiến độ vận hành lưới điện đấu nối đồng bộ với tiến độ nguồn điện.

Bảng 17: Danh mục các dự án điện gió ngoài khơi đến năm 2030

TT	Khu vực phát triển ĐGNK	Công suất dự kiến (MW)	Tổ hợp dự kiến	
			Tên dự án	Công suất (MW)
1	ĐGNK Bắc Bộ 1	1500	ĐGNK Bắc Bộ 1.1	500
			ĐGNK Bắc Bộ 1.2	500
			ĐGNK Bắc Bộ 1.3	500
2	ĐGNK Bắc Bộ 2	500	ĐGNK Bắc Bộ 2	500
3	ĐGNK Bắc Bộ 3	500	ĐGNK Bắc Bộ 3	500
4	ĐGNK Nam Trung Bộ 1	1500	ĐGNK Nam Trung Bộ 1.1	500
			ĐGNK Nam Trung Bộ 1.2	500
			ĐGNK Nam Trung Bộ 1.3	500
5	ĐGNK Nam Trung Bộ 2	500	ĐGNK Nam Trung Bộ 2	500
6	ĐGNK Nam Bộ 1	500	ĐGNK Nam Bộ 1	500
7	ĐGNK Nam Bộ 2	500	ĐGNK Nam Bộ 2	500
8	ĐGNK Nam Bộ 3 (*)	500	ĐGNK Nam Bộ 3	500

Ghi chú:

- Các dự án cần có giải pháp để bảo đảm tiến độ vận hành theo quy hoạch được duyệt. Việc xác định tọa độ vị trí các dự án ĐGNK tuân thủ các quy định của pháp luật và được xác định ở giai đoạn chuẩn bị dự án, bảo đảm không chồng lấn với các quy hoạch khác.

(*) Dự án điều chuyển từ khu vực Trung Trung Bộ sang Nam Bộ.

Bảng 18: Danh mục các dự án điện gió ngoài khơi đến năm 2035 (MW)

TT	Khu vực phát triển ĐGNK	Công suất dự kiến (MW)	Tổ hợp dự kiến		Dự kiến Điểm gom công suất	Năm vận hành
			Tên dự án thành phần	Công suất (MW)		
I	Bắc Bộ	11200				
1	Bắc Bộ 1	2200	Bắc Bộ 1.1 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.2 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.3 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 1.4	700	Trạm BB 1	2031-2035
2	Bắc Bộ 2	1000	Bắc Bộ 2.1 (*)	500	Trạm BB 1	2025-2030
			Bắc Bộ 2.2	500	Trạm BB 1	2031-2035
3	Bắc Bộ 3	1000	Bắc Bộ 3.1 (*)	500	Trạm BB 3	2025-2030
			Bắc Bộ 3.2	500	Trạm BB 3	2031-2035
4	Bắc Bộ 4	1000	Bắc Bộ 4	1000	Trạm BB 2	2031-2035
5	Bắc Bộ 5	1000	Bắc Bộ 5	1000	Trạm BB 2	2031-2035
6	Bắc Bộ 6	1000	Bắc Bộ 6	1000	Trạm BB 2	2031-2035
7	Bắc Bộ 7	1000	Bắc Bộ 7	1000	Trạm BB 2	2031-2035
8	Bắc Bộ 8	1000	Bắc Bộ 8	1000	Trạm BB 3	2031-2035
9	Bắc Bộ 9	1000	Bắc Bộ 9	1000	Trạm BB 4	2031-2035
10	Bắc Bộ 10	1000	Bắc Bộ 10	1000	Trạm BB 4	2031-2035
II	Nam Trung Bộ	4300				
1	Nam Trung Bộ 1	2000	Nam Trung Bộ 1.1 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.2 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.3 (*)	500	Trạm NTB1	2025-2030
			Nam Trung Bộ 1.4	500	Trạm NTB1	2031-2035
2	Nam Trung Bộ 2	1000	Nam Trung Bộ 2.1 (*)	500	Trạm NTB2	2025-2030
			Nam Trung Bộ 2.2	500	Trạm NTB2	2031-2035
3	Nam Trung Bộ 3	1300	Nam Trung Bộ 3	1300	Trạm NTB3	2031-2035
III	Nam Bộ	1500				
1	Nam Bộ 1	500	Nam Bộ 1 (*)	500	Trạm NB1	2025-2030
2	Nam Bộ 2	500	Nam Bộ 2 (*)	500	Trạm NB2	2025-2030
3	Nam Bộ 3	500	Nam Bộ 3 (*)	500	Trạm NB3	2025-2030
	Tổng	17000				

Ghi chú:

- Việc xác định tọa độ vị trí các dự án ĐGNK tuân thủ các quy định của pháp luật và được xác định ở giai đoạn chuẩn bị dự án, bảo đảm không chồng lấn với các quy hoạch khác.

(*) Các dự án đã xác định giai đoạn đến năm 2030 tại Bảng 18.

Bảng 19: Danh mục dự kiến các dự án nhiệt điện linh hoạt

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Tỉnh/Thành phố	Giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình	300	Ninh Bình	2027	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình 2	1200	Ninh Bình	2030	
3	Nhà máy điện linh hoạt Hải Dương	1200	Hải Dương	2025 - 2035	
4	Nhiệt điện linh hoạt tăng thêm (*)	Khoảng 6.530		2025 - 2035	

Ghi chú:

(*) Danh mục dự kiến các dự án nhiệt điện linh hoạt tăng thêm sẽ được làm rõ theo quy định của pháp luật.

- Nhiên liệu sử dụng cho các dự án nhiệt điện linh hoạt sẽ chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

Bảng 20: Các dự án tiềm năng xuất khẩu điện

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Loại nguồn	Ghi chú
1	Các dự án xuất khẩu ĐGNK	8.000-10.000	Điện gió ngoài khơi	Trên cơ sở đề xuất của Singapore, Malaysia và các nước khác
2	Khu vực điện gió ngoài khơi TGS Duyên Hải	2.000	Điện gió ngoài khơi	Tỉnh Trà Vinh đề xuất
3	Xuất khẩu điện tỉnh Cà Mau	2.000-5.000	Các nguồn từ NLTT	Tỉnh Cà Mau
4	Dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu 5	10.000	Điện gió ngoài khơi xuất khẩu	Tỉnh Bạc Liêu đề xuất

Ghi chú:

Các dự án xuất khẩu điện được phép phát triển trên cơ sở đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh quốc phòng và các điều kiện kinh tế, kỹ thuật.

Phụ lục II.2
DANH MỤC LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG MỚI
ƯU TIÊN ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2030 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2035

Bảng 1: Danh mục các công trình UHVDC giai đoạn 2031-2035

TT	Tên công trình	Quy mô (km/MW)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2026-2030				
1	Trạm chuyển đổi AC/DC/AC (Back-To-Back) 500kV Lào Cai	3000 MW	Phục vụ liên kết nhập khẩu điện từ Trung Quốc, triển khai khi được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương nhập khẩu điện từ Trung Quốc qua hướng Lào Cai, nếu XD trạm chuyển đổi Back-to-Back trên lãnh thổ Việt Nam.	x	
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Trung Trung Bộ 1 - Bắc Bộ 1	2x700km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực Vũng Áng, Quảng Bình, Quảng Trị. Xem xét phương án tận dụng hướng tuyến đường dây 500kV Quảng Trị - Vũng Áng - Nho Quan cũ.	x	
2	Trạm converter Trung Trung Bộ 1	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực Quảng Bình, Quảng Trị	x	
3	Trạm converter Bắc Bộ 1	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Bắc Giang	x	
4	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Trung Trung Bộ 2 – Bắc Bộ 2	2x1050km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
5	Trạm converter Trung Trung Bộ 2	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực Quảng Ngãi	x	
6	Trạm converter Bắc Bộ 2	5000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực các huyện phía Tây Hà Nội.	x	
7	Đường dây một chiều Bipole HVDC từ Nam Trung Bộ – Bắc Bộ 3	2x1550km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Dự phòng trường hợp phát triển cao hơn của nguồn điện Nam Trung Bộ.	x	
8	Trạm converter Nam Trung Bộ	4000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Ninh Thuận	x	

9	Trạm converter Bắc Bộ 3	4000-10000 MW	Quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án. Xem xét đặt tại khu vực tỉnh Hưng Yên.	x	
10	Đường dây từ Bà Rịa - Vũng Tàu ra Hải Phòng	2x1700km	Chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án trong trường hợp phát triển cao nguồn điện khu vực miền Nam.	x	

Ghi chú:

Các hệ thống HVDC truyền tải liên vùng, khoảng cách truyền tải lớn (gồm các đường dây HVDC và các trạm chuyển đổi converter AC-DC, DC-AC) có chi phí đầu tư rất lớn. Cần nghiên cứu kỹ, đánh giá tổng thể khi triển khai thực hiện các hệ thống này căn cứ tiến độ triển khai các dự án nguồn điện (bao gồm nguồn điện nền và nguồn NLTT), gắn với tín hiệu thị trường và cơ chế chính sách.

**Bảng 2: Định hướng các đường dây và trạm biến áp UHVAC 765÷1000 kV
giai đoạn 2031-2035**

STT	Tên công trình	Quy mô (km/MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2031-2035				
1	Đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1	600km	Trường hợp phát triển nguồn điện Nam Trung Bộ cao hơn dự kiến, xem xét phương án giải tỏa công suất điện hạt nhân và tăng cường năng lực truyền tải liên kết Nam Trung Bộ - Nam Bộ bằng lưới điện xoay chiều siêu cao áp 765÷1000 kV thay cho phương án truyền tải 500 kV. Quy mô, tiến độ và hướng tuyến ĐZ sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.	x	
2	Đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2	600km	Trường hợp phát triển nguồn điện Nam Trung Bộ cao hơn dự kiến, xem xét phương án giải tỏa công suất điện hạt nhân và tăng cường năng lực truyền tải liên kết Nam Trung Bộ - Nam Bộ bằng lưới điện xoay chiều siêu cao áp 765÷1000 kV thay cho phương án truyền tải 500 kV. Quy mô, tiến độ và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.	x	
3	TBA 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
4	TBA 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
5	TBA 765÷1000 kV Nam Bộ 1	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 1 - Nam Bộ 1. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
6	TBA 765÷1000 kV Nam Bộ 2	4000 MVA	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn điện Nam Trung Bộ, đồng bộ đường dây 765÷1000 kV Nam Trung Bộ 2 - Nam Bộ 2. Tiến độ, quy mô và vị trí đặt trạm sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	

Ghi chú:

Sự xuất hiện của hệ thống truyền tải cực siêu cao UHVAC 765-1000 kV kết nối Nam Trung Bộ - Nam Bộ trong bảng trên gắn với quy mô phát triển nguồn điện tại Nam Trung Bộ (ĐHN Ninh Thuận 3,4, điện mặt trời, điện gió trên bờ, điện gió ngoài khơi), cần có thêm các nghiên cứu về tính khả thi và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật tổng thể.

Bảng 3: Danh mục các trạm biến áp 500 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Tây Hà Nội	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Sơn Tây	1800	Xây mới	x	
3	Nam Hà Nội	1800	Xây mới	x	
4	Đan Phượng	1800	Xây mới, xem xét nối cấp trạm 220kV Đan Phượng	x	
5	Hải Phòng	1800	Xây mới	x	
6	Hải Phòng 2	1800	Xây mới	x	
7	BB 1 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK		x
8	Gia Lộc	900	Xây mới	x	
9	Phổ Nội	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
10	Hưng Yên 1	1800	Xây mới, đổi tên từ TBA 500 kV Long Biên trong Quy hoạch điện VIII	x	
11	Hưng Yên 2	900	Xây mới	x	
12	Nam Định	1800	Xây mới, tên gọi trong danh mục các đường dây 500kV, 220kV là ND Nam Định, NMND Nam Định 1	x	
13	Thái Bình	1200	Xây mới	x	
14	Trạm cắt Hòa Bình 2	Trạm cắt	Xây mới trạm cắt	x	
15	Lào Cai	2700	Xây mới	x	
16	Lạng Sơn	1800	Xây mới		x
17	Yên Bái (*)	1800	Xây mới		x
18	Thái Nguyên	1800	Xây mới	x	
19	Việt Trì	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
20	Vĩnh Yên	1800	Xây mới	x	
21	Bắc Giang	900	Xây mới	x	
22	Yên Thế	900	Xây mới	x	
23	Bắc Ninh	1800	Xây mới	x	
24	Bắc Ninh 2	1800	Xây mới	x	
25	Quảng Ninh	1,800	Xây mới	x	
26	Lai Châu	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
27	Than Uyên	2700	Xây mới		x
28	Điện Biên	2700	Xây mới		x
29	Sơn La 1 (*)	1800	Xây mới		x
30	Sơn La 2 (*)	1800	Xây mới		x
31	Hòa Bình	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
32	Nghi Sơn	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
33	Thanh Hóa	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
34	Nam Cấm		Xây mới trạm cắt phục vụ đầu nối nhập khẩu điện từ Lào		x
35	Quỳnh Lưu	1800	Xây mới	x	
36	Hà Tĩnh 2	2700	Xây mới		x
37	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	4500	Xây mới và cải tạo, nâng công suất	x	x
38	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Thường Tín	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Đông Anh	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
3	Tây Hà Nội	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
4	Nam Hà Nội	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
5	Đan Phượng	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
6	Vân Trì	1800	Xây mới	x	
7	Hải Phòng 2	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
8	BB 1 (*)	3600	Cải tạo, nâng công suất		x
9	BB 2 (*)	3600	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK		x
10	Gia Lộc	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
11	Hưng Yên 1	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
12	Hưng Yên 2	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
13	Hà Nam	1800	Xây mới	x	

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
14	Nam Định	2700	Cải tạo, nâng công suất, tên gọi trong danh mục các đường dây 500kV, 220kV là NĐ Nam Định, NMNĐ Nam Định 1	x	
15	Nam Định 2	900	Xây mới	x	
16	Nam Định 3	1800	Xây mới, đồng bộ với phụ tải KKT Ninh Cơ (theo đề nghị của UBND tỉnh Nam Định tại Văn bản số 06/UBND-VP5 ngày 03/01/2025) và trong trường hợp phát triển phụ tải chuyên dùng khi TBA 220 kV không đảm bảo cấp điện. Xem xét quy mô tới 3.600 MVA khi nhu cầu phụ tải phát triển mạnh; xem xét đầu nối các nguồn ĐGNK và LNG tự sản tự tiêu để cấp điện cho phụ tải này		x
17	Thái Bình	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
18	BB 4 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK		x
19	Lạng Sơn 2 (*)	1800	Xây mới		x
20	Hà Giang	1800	Xây mới	x	
21	Thái Nguyên 2	900	Xây mới	x	
22	Phú Thọ	1800	Xây mới	x	
23	Vĩnh Tường	1800	Xây mới	x	
24	Bắc Giang	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
25	Yên Thế	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
26	Bắc Ninh	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
27	Bắc Ninh 2	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
28	Bắc Ninh 3	1800	Xây mới	x	
29	BB 3 (*)	2700	Xây mới, đồng bộ nguồn ĐGNK		x
30	Hải Hà	900	Xây mới		x
31	Quảng Ninh 2	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
32	NLTT Lai Châu 1 (*)	1800	Xây mới		x
33	Sơn La	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
34	Thanh Hóa	2700	Cải tạo, nâng công suất	x	
35	Tĩnh Gia	1800	Xây mới	x	
36	Nam Cẩm	900	Lắp bổ sung MBA tại trạm cắt phục vụ cấp điện cho phụ tải địa phương (nếu cần), xem xét nối cấp trạm 220kV Nam Cẩm (nếu cần)	x	

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
37	Hà Tĩnh	1800	Cải tạo, nâng công suất	x	
38	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	2700	Xây mới và cải tạo, nâng công suất	x	x
39	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x

Bảng 4: Danh mục các đường dây 500 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030						
1	Mạch 2 Nho Quan - Thường Tín	1	x	75	Cải tạo một mạch thành hai mạch	x	
2	Đan Phượng - Rẽ Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Đan Phượng	x	
3	Hưng Yên 1 - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	2	x	8	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 1, thay thế cho đường dây 500 kV Long Biên - Rẽ Phố Nối - Thường Tín trong Quy hoạch điện VIII	x	
4	Hưng Yên 2 - Hưng Yên 1	2	x	35	Đầu nối TBA 500kV Hưng Yên 2	x	
5	Nam Hà Nội - Rẽ Nho Quan - Thường Tín	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Nam Hà Nội	x	
6	Sơn Tây - Đan Phượng	2	x	20	Đầu nối TBA 500 kV Sơn Tây	x	
7	Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	2	x	70	Xây mới	x	
8	BB 1 - Hải Phòng (*)	2	x	25	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
9	Hải Phòng - Thái Bình	2	x	38	Đầu nối TBA 500 kV Hải Phòng. Vận hành năm 2025.	x	
10	Quảng Ninh 2 - Rẽ Quảng Ninh - Phố Nối và NĐ Thăng Long - Phố Nối	4	x	5	Xây mới	x	
11	Hải Phòng - Hải Phòng 2	2	x	20	Xây mới	x	
12	BB1 - Quảng Ninh 2 (*)	2	x	60	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
13	Gia Lộc - Rẽ Thái Bình - Phố Nối	4	x	13	Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc	x	
14	Thái Bình - Rẽ NMNĐ Nam Định 1 - Phố Nối	4	x	1	Đầu nối TBA 500 kV Thái Bình	x	
15	Nam Định - Rẽ Thanh Hóa - Phố Nối	4	x	1	Xây mới, đầu nối, hoàn thiện sơ đồ TBA 500kV Nam Định.	x	
16	Sam Nuea - Trạm cắt Hòa Bình 2	2	x	110	Xây mới		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
17	Trạm cắt Hòa Bình 2 - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan và Sơn La - Nho Quan	4	x	5	Xây mới	x	
18	Trạm cắt Hòa Bình 2 - Tây Hà Nội	2	x	80	Xây mới	x	
19	Biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Lào Cai	2	x	65	Mua điện Trung Quốc	x	
20	Lào Cai - Vĩnh Yên	2	x	210	Đấu nối TBA 500 kV Lào Cai, giải tỏa Thủy điện nhỏ và dự phòng mua điện Trung Quốc. Vận hành năm 2025.	x	
21	Lạng Sơn - Bắc Giang (*)	2	x	120	Xây mới		x
22	Lạng Sơn - Yên Thế (*)	2	x	120	Xây mới		x
23	Yên Bái - Thái Nguyên (*)	2	x	100	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
24	Yên Bái - Rẽ Lào Cai - Vĩnh Yên (*)	4	x	20	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
25	Hiệp Hòa - Thái Nguyên	2	x	29	Đấu nối TBA 500 kV Thái Nguyên	x	
26	Yên Thế - Thái Nguyên	2	x	70	Xây mới	x	
27	Vĩnh Yên - Rẽ Sơn La - Hiệp Hòa và Việt Trì - Hiệp Hòa	4	x	5	Đấu nối TBA 500 kV Vĩnh Yên	x	
28	Bắc Giang - Bắc Ninh	2	x	40	Xây mới	x	
29	Bắc Giang - Rẽ Quảng Ninh - Hiệp Hòa	4	x	5	Đấu nối TBA 500 kV Bắc Giang	x	
30	Bắc Ninh - Rẽ Đông Anh - Phố Nối	2	x	1	Đấu nối TBA 500 kV Bắc Ninh	x	
31	Bắc Ninh 2 - Rẽ Bắc Giang - Hiệp Hòa	4	x	10	Đấu nối TBA 500 kV Bắc Ninh 2	x	
32	LNG Quảng Ninh - Quảng Ninh	2	x	30	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Thay thế cho đường dây 500 kV LNG Quảng Ninh I - Quảng Ninh trong Quy hoạch điện VIII. Trường hợp TBA 500kV Quảng Ninh không thể mở rộng được ngăn lộ, thực hiện đấu chuyển tiếp vào ĐĐ	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
					500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa		
33	Lai Châu - Than Uyên	2	x	75	Xây mới		x
34	Than Uyên - Yên Bái (*)	2	x	170	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
35	Điện Biên - Lai Châu (*)	2	x	50	Xây mới		x
36	Sơn La 1 - Rẽ Sơn La - Hòa Bình và Sơn La - Nho Quan (*)	2	x	150	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
37	Sơn La 1 - Sơn Tây (*)	2	x	150	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
38	Sơn La 2 - Sơn La 1 (*)	2	x	50	Xây mới, trong trường hợp phát triển cao nguồn NLTT Tây Bắc Bộ, trên cơ sở nguồn NLTT phân bổ cho các địa phương theo Văn bản số 1649/BCT-ĐL của Bộ Công Thương ngày 05/3/2025.		x
39	TĐ Hòa Bình mở rộng - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan	2	x	1	Đồng bộ TĐ Hòa Bình MR	x	
40	Quỳnh Lưu - Rẽ Quảng Trạch - Thanh Hóa	4	x	5	Xây mới	x	
41	LNG Nghi Sơn - LNG Quỳnh Lập	2	x	10	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 1		x
42	LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	2	x	190	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 2	x	
43	LNG Quỳnh Lập - Quỳnh Lưu	2	x	15	Xây mới, trường hợp LNG Nghi Sơn, LNG Quỳnh Lập chậm tiến độ, đầu tư trước đường dây Quỳnh Lưu - Hưng Yên 2		x
44	Đầu nối TĐTN Bắc Trung Bộ	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
45	LNG Quảng Trạch II - Quảng Trạch	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện	x	
46	Trạm cắt Nam Cẩm - Rẽ Vũng Áng - Nho Quan	4	x	12	Xây mới, phục vụ đầu nối nguồn điện nhập khẩu Lào. Chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 500 kV Vũng Áng - Nho Quan hiện hữu (mạch 1,2)		x
47	Vũng Áng - Trạm cắt Hòa Bình 2	2	x	380	Xây mới, sử dụng dây phân pha tiết diện lớn, chuyển đầu nối đường dây 500kV Vũng Áng - Rẽ Đà Nẵng - Hà Tĩnh (mạch 3,4), kết hợp thay dây siêu nhiệt đoạn này.	x	
48	Vũng Áng - Rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng (mạch 3,4)	2	x	16	Chuyển tiếp vào đường dây 500 kV Hà Tĩnh - Đà Nẵng mạch 2	x	
49	Hà Tĩnh 2 - Rẽ Vũng Áng - Hà Tĩnh (*)	4	x	5	Xây mới		x
50	ĐG Phila - Trạm cắt 500 kV Nam Cẩm	2	x	35	Phương án đề xuất trong văn bản của UBND tỉnh, phục vụ nhập khẩu điện từ Lào		x
51	ĐG Cha Lo - TBA 500 kV Hà Tĩnh	2	x	50	Phương án đề xuất trong văn bản của UBND tỉnh, phục vụ nhập khẩu điện từ Lào		x
52	Đầu nối Trạm chuyển đổi AC/DC/AC (Back-To- Back) 500kV Lào Cai	4	x	2	Phục vụ liên kết nhập khẩu điện từ Trung Quốc, triển khai khi được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương nhập khẩu điện từ Trung Quốc qua hướng Lào Cai, nếu xây dựng trạm chuyển đổi Back-to- Back trên lãnh thổ Việt Nam.	x	
53	Dự phòng đầu nối các nguồn điện tại các tỉnh Boulikhamxay, Khammouane, Lào			600	Xây mới	x	x
54	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			200	Xây mới và cải tạo	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035						
1	Đầu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 1 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
2	Đầu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 2 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
3	Đầu nối trạm converter HVDC Bắc Bộ 3 (*)			120	Xây mới, chiều dài, tiết diện dây dẫn và hướng tuyến đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án	x	
4	Vân Trì - Vĩnh Yên	2	x	40	Xây mới	x	
5	BB 2 - Rẽ BB 1 - Hải Phòng 2 (*)	4	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
6	Hà Nam - Thái Bình	2	x	20	Xây mới	x	
7	Nam Định 2 - Rẽ LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	4	x	5	Xây mới	x	
8	Nam Định - Nam Định 3	2	x	18	Xây mới, đồng bộ với TBA 500 kV Nam Định 3		x
9	BB 4 - Bắc Giang (*)	2	x	135	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
10	Hà Giang - Rẽ Yên Bái - Thái Nguyên	2	x	180	Xây mới	x	
11	Lạng Sơn 2 500 kV - Rẽ Lạng Sơn - Yên Thế	4	x	10	Xây mới		x
12	Thái Nguyên 2 - Thái Nguyên - Yên Thế	2	x	20	Xây mới	x	
13	Phú Thọ - Rẽ Sơn La - Việt Trì	4	x	20	Xây mới	x	
14	Sơn Tây - Vĩnh Tường	2	x	20	Xây mới	x	
15	Bắc Ninh 3 - Rẽ Hưng Yên 1 - Phố Nối	4	x	10	Xây mới	x	
16	BB 3 - Lạng Sơn (*)	2	x	140	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
17	Hải Hà - Rẽ BB 3 - Lạng Sơn	2	x	5	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.	x	
18	NLTT Lai Châu 1 - Rẽ Lai Châu - Than Uyên (*)	4	x	20	Xây mới		x
19	LNG Công Thanh - Rẽ Nghi Sơn - Nho Quan	2	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
20	LNG Thái Bình GĐ 2 - Thái Bình	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
21	LNG Vũng Áng III - Rẽ Vũng Áng - Quảng Trạch	2	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
22	LNG Thanh Hóa - LNG Công Thanh	2	x	5	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
23	LNG Công Thanh - Bắc Ninh 3	2	x	220	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong GĐ triển khai dự án. Xem xét sử dụng cột bốn mạch, tận dụng tối đa hướng tuyến với LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 1.	x	
24	Đầu nối TĐTN Bắc Bộ 1 (*)	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x
25	TĐTN Đông Phù Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì và Sơn La - Vĩnh Yên	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x
26	TĐTN Bắc Bộ 1 - rẽ Sơn La 1 - Sơn Tây (*)	4	x	20	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x
27	Tĩnh Gia - Rẽ LNG Nghi Sơn - Hưng Yên 2	4	x	4	Xây mới	x	
28	LNG Hải Phòng - TBA 500 kV Hải Phòng (hoặc TBA 500 kV Gia Lộc)	2	x	45	Đồng bộ NMĐ LNG Hải Phòng giai đoạn I		x
29	LNG Quảng Trạch III - Quảng Trạch	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
30	Cải tạo Quảng Trị - Vũng Áng (mạch 2)	2	x	200	Xây mới, dự phòng trường hợp triển khai HVDC Trung Bộ 1 - Bắc Bộ 1, tận dụng tuyến đường dây 500 kV Quảng Trị - Vũng Áng hiện hữu	x	
31	TĐ Sơn La MR - TĐ Sơn La - Lai Châu	1	x	5	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.	x	
32	TĐ Lai Châu MR - Rẽ TĐ Lai Châu - Lai Châu	2	x	1	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. Phương án đề xuất trong Văn bản số 862/EVN-KH của EVN ngày 11/02/2025. Phương án đấu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.	x	
33	Cải tạo Vũng Áng - Nho Quan (mạch 1)	2	x	360	Cải tạo đường dây 500 kV hiện hữu thành 02 mạch	x	
34	Dự phòng phát sinh đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			340	Xây mới và cải tạo	x	x

**Bảng 5: Danh mục các trạm biến áp 220 kV xây mới
và cải tạo khu vực miền Bắc**

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030				
1	Vân Trì	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Tây Hà Nội	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
3	Sóc Sơn 2	250	Xây mới	x	
4	Văn Điển	500	Xây mới	x	
5	Long Biên 2	500	Xây mới	x	
6	Mê Linh	500	Xây mới	x	
7	Chương Mỹ	250	Xây mới	x	
8	Ứng Hòa	500	Xây mới	x	
9	Đại Mỗ	750	Xây mới	x	
10	Hòa Lạc	500	Xây mới	x	
11	Cầu Giấy	250	Xây mới	x	
12	Hai Bà Trưng	250	Xây mới	x	
13	Thanh Xuân	750	Xây mới	x	
14	Đan Phượng	500	Xây mới	x	
15	Phú Xuyên	250	Xây mới	x	
16	Hòa Lạc 2	500	Xây mới	x	
17	NLTT Hà Nội 2 (*)	500	Xây mới		x
18	Vật Cánh	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
19	NĐ Hải Phòng	500	Cải tạo, nâng công suất		x
20	Đồ Sơn	250	Xây mới	x	
21	An Lão	500	Xây mới	x	
22	Đại Bản	250	Xây mới	x	
23	Dương Kinh	500	Xây mới	x	
24	Tiên Lãng	500	Xây mới	x	
25	Cát Hải	500	Xây mới	x	
26	NĐ Phả Lại	750	Cải tạo, nâng công suất	x	x
27	Gia Lộc	500	Xây mới	x	
28	Tứ Kỳ	250	Xây mới	x	
29	NĐ Hải Dương	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
30	Tân Việt	500	Xây mới	x	
31	Thanh Hà	250	Xây mới	x	
32	Nhị Chiểu	250	Xây mới	x	
33	Nam Sách	250	Xây mới	x	
34	Thanh Miện	250	Xây mới	x	
35	Hưng Yên 2 500 kV nối cấp	250	Xây mới	x	
36	Bãi Sậy	500	Xây mới	x	
37	Văn Giang	250	Xây mới	x	
38	Lý Nhân	500	Xây mới	x	
39	Đồng Văn	750	Xây mới	x	
40	Hải Hậu	500	Xây mới	x	
41	Nam Định 2	250	Xây mới	x	
42	Nghĩa Hưng	500	Xây mới	x	
43	Nam Định 3	750	Xây mới		x
44	Giao Thủy	250	Xây mới	x	
45	Quỳnh Phụ	500	Xây mới	x	
46	Vũ Thư	500	Xây mới	x	

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
47	Thái Bình 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
48	Ninh Bình 2	500	Xây mới	x	
49	Nho Quan 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
50	Tam Điệp	250	Xây mới	x	
51	Gia Viễn	500	Xây mới	x	
52	Hà Giang	375	Cải tạo, nâng công suất	x	
53	Bắc Quang	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
54	Cao Bằng	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
55	Bắc Hà	250	Xây mới	x	x
56	Bát Xát	500	Xây mới	x	
57	Lào Cai 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
58	Văn Bàn	250	Xây mới	x	
59	Bắc Kạn 1 (*)	500	Xây mới		x
60	Lạng Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
61	Đồng Mô	500	Xây mới	x	
62	Lạng Sơn 2 (*)	500	Xây mới		x
63	Lạng Sơn 1 (*)	500	Xây mới		x
64	Tuyên Quang	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
65	Nghĩa Lộ	500	Xây mới	x	
66	Yên Bái	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
67	Lục Yên	250	Xây mới	x	
68	Yên Bái 1 (*)	500	Xây mới		x
69	Yên Bái 2 (*)	500	Xây mới		x
70	Sông Công	500	Xây mới	x	
71	Phủ Bình 2	500	Xây mới	x	
72	Đại Từ	250	Xây mới	x	
73	NLTT Thái Nguyên 2 (*)	500	Xây mới		x
74	Phủ Thọ 2	500	Xây mới	x	
75	Việt Trì 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
76	Phủ Thọ 3	250	Xây mới	x	
77	Tam Dương	500	Xây mới	x	
78	Bá Thiện	500	Xây mới	x	
79	Phúc Yên	250	Xây mới	x	
80	Chấn Hưng	250	Xây mới	x	
81	Bắc Giang 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
82	Lạng Giang	250	Xây mới	x	
83	Yên Dũng	500	Xây mới	x	
84	Hiệp Hòa 2	500	Xây mới	x	
85	Tân Yên	500	Xây mới	x	
86	Việt Yên	500	Xây mới	x	
87	Bắc Giang 1 (*)	500	Xây mới		x
88	Bắc Ninh 6	500	Xây mới	x	
89	Bắc Ninh 4	500	Xây mới	x	
90	Bắc Ninh 5	500	Xây mới	x	
91	Bắc Ninh 7	500	Xây mới	x	
92	Bắc Ninh 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
93	Hoành Bồ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
94	Cầm Phả	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
95	Quảng Ninh 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
96	Khe Thần	126	Xây mới	x	
97	Móng Cái	500	Xây mới	x	
98	Yên Hưng	750	Cải tạo, nâng công suất	x	

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
99	Hải Hà 2	250	Xây mới thay thế TBA 220 kV KCN Hải Hà	x	
100	Cộng Hòa	500	Xây mới	x	
101	Nam Hòa	500	Xây mới	x	
102	Quảng Ninh 1 (*)	500	Xây mới		x
103	NLTT Quảng Ninh 2 (*)	500	Xây mới		x
104	Mường Tè	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
105	Pắc Ma	500	Xây mới	x	
106	Phong Thổ	500	Xây mới	x	
107	Sìn Hồ	250	Xây mới	x	
108	Than Uyên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
109	NLTT Lai Châu 1 (*)	500	Xây mới		x
110	NLTT Lai Châu 2 (*)	500	Xây mới		x
111	Điện Biên	500	Xây mới	x	
112	Điện Biên 1 (*)	500	Xây mới		x
113	Điện Biên 2 (*)	500	Xây mới		x
114	Mường La	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
115	Sông Mã	250	Xây mới		x
116	Mộc Châu	250	Xây mới		x
117	Phù Yên	375	Xây mới		x
118	Sơn La 1 (*)	250	Xây mới		x
119	Sơn La 2 (*)	500	Xây mới		x
120	Sơn La 3 (*)	500	Xây mới		x
121	Sơn La 4 (*)	500	Xây mới		x
122	Sơn La 5 (*)	500	Xây mới		x
123	Sơn La 6 (*)	500	Xây mới		x
124	Hòa Bình	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
125	Yên Thủy	250	Cải tạo, nâng công suất	x	
126	Tân Lạc	250	Xây mới	x	
127	Sầm Sơn	500	Xây mới	x	
128	Tĩnh Gia	500	Xây mới	x	
129	KKT Nghi Sơn	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
130	Lọc hoá dầu Nghi Sơn	500	Xây mới		x
131	Hậu Lộc	500	Xây mới	x	
132	Thiệu Hóa	250	Xây mới	x	
133	Thiệu Yên	250	Xây mới	x	
134	Thanh Hóa 1 (*)	500	Xây mới		x
135	Đồng Vàng	500	Xây mới		x
136	Nghi Sơn 2	500	Xây mới		x
137	Đô Lương	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
138	Nam Cẩm	500	Xây mới	x	
139	Quỳ Hợp	250	Xây mới	x	x
140	Tương Dương	250	Cải tạo, nâng công suất	x	
141	Bá Thước	250	Xây mới	x	
142	Hoàng Mai	500	Xây mới	x	
143	Hoàng Mai 2	250	Xây mới	x	
144	Quỳnh Lưu 500kV nối cấp	500	Xây mới	x	
145	NLTT Nghệ An 1 (*)	500	Xây mới		x
146	NLTT Nghệ An 2 (*)	500	Xây mới		x
147	Hà Tĩnh	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
148	Can Lộc	250	Xây mới	x	
149	Vũng Áng	500	Xây mới	x	

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
150	Vũng Áng 2	500	Xây mới		x
151	Hà Tĩnh 1 (*)	500	Xây mới		x
152	NLTT Hà Tĩnh 2 (*)	500	Xây mới		x
153	NLTT Hà Tĩnh 3 (*)	500	Xây mới		x
154	NLTT Hà Tĩnh 4 (*)	500	Xây mới		x
155	NLTT Hà Tĩnh 5 (*)	500	Xây mới		x
156	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	3750	Xây mới và cải tạo, nâng công suất	x	x
157	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch bao gồm nhưng không giới hạn tại các thanh cái TBA 500 kV Phố Nối, Tây Hà Nội, Hiệp Hòa, Đan Phượng, Bắc Ninh, ND Phả Lại, Trảng Bách		Hạn chế dòng ngắn mạch	x	x
158	Cải tạo sơ đồ thanh cái linh hoạt, 4 phân đoạn thanh cái bao gồm nhưng không giới hạn tại các trạm 500 kV Nho Quan, Sơn La, Đông Anh và các trạm Vân Trì, Vật Cánh, Long Biên, Trục Ninh, Thái Bình, Hà Đông, Thanh Nghị, Bắc Ninh 2, ND Hải Dương		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện	x	x
159	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải đường dây và máy biến áp; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...	x	x
II	Giai đoạn 2031-2035				
1	Sóc Sơn 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
2	Văn Điển	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
3	Long Biên 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
4	Xuân Mai	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
5	Chương Mỹ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
6	Ứng Hòa	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
7	Hòa Lạc	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
8	Cầu Giấy	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
9	Hai Bà Trưng	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
10	Đan Phượng	750	Cải tạo, nâng công suất	x	

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
11	Phú Xuyên	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
12	Đông Anh 2	500	Xây mới	x	
13	Đông Anh 3	500	Xây mới	x	
14	Hòa Lạc 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
15	Phúc Thọ	500	Xây mới	x	
16	Thanh Trì	500	Xây mới	x	
17	Thanh Oai	500	Xây mới	x	
18	Vân Trì 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
19	Vân Trì 2	500	Xây mới	x	
20	Đình Vũ	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
21	Đồ Sơn	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
22	An Lão	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
23	Thủy Nguyên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
24	Đại Bản	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
25	Hải Phòng 2	250	Xây mới	x	
26	Đình Vũ 2	500	Xây mới	x	
27	Gia Lộc	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
28	Tứ Kỳ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
29	Thanh Hà	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
30	Nhị Chiểu	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
31	Nam Sách	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
32	Thanh Miện	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
33	Phổ Nối	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
34	Phổ Cao	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
35	Hưng Yên 500 kV nối cấp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
36	Văn Giang	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
37	Phổ Nối 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
38	Phủ Lý	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
39	Thanh Nghị	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
40	Lý Nhân	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
41	Kim Bảng	500	Xây mới	x	
42	Nam Định 2	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
43	Giao Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
44	Nam Định 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
45	Thái Bình 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
46	Tiền Hải	500	Xây mới	x	
47	Ninh Bình 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
48	Tam Điệp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
49	Hà Giang	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
50	Hà Giang 2	250	Xây mới	x	
51	Quảng Uyên	250	Xây mới	x	
52	Lào Cai 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
53	Văn Bàn	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
54	Lào Cai 2	250	Xây mới	x	
55	NLTT Lào Cai 3 (*)	500	Xây mới		x
56	Đồng Mô	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
57	TĐ Tuyên Quang	250	Cải tạo, nâng công suất	x	
58	Sơn Dương	500	Xây mới	x	
59	Lục Yên	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
61	Đại Từ	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
62	Phúc Xuân	500	Xây mới	x	
63	Phú Lương	500	Xây mới	x	

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
64	Phú Bình 3	500	Xây mới	x	
65	Phú Thọ 3	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
66	Việt Trì 2	500	Xây mới	x	
67	Phú Thọ 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
68	Vĩnh Yên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
69	Bá Thiện	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
70	Phúc Yên	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
71	Chấn Hưng	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
72	Vĩnh Tường 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
73	Lạng Giang	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
74	Yên Dũng	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
75	Sơn Động	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
76	Tân Yên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
77	Việt Yên	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
78	Chũ	500	Xây mới	x	
79	Bắc Ninh	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
80	Bắc Ninh 3	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
81	Bắc Ninh 2	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
82	Bắc Ninh 6	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
83	Bắc Ninh 2 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
84	Bắc Ninh 3 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
85	Bắc Ninh 10	750	Xây mới	x	
86	Bắc Ninh 9	750	Xây mới	x	
87	Quảng Ninh 500 kV nối cấp	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
88	Hải Hà 2	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
89	Vân Đồn	250	Xây mới	x	
90	Sìn Hồ	750	Cải tạo, nâng công suất	x	
91	NLTT Lai Châu 3 (*)	500	Xây mới		x
92	NLTT Lai Châu 4 (*)	500	Xây mới		x
93	Sông Mã	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
94	Yên Thủy	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
95	Lương Sơn	250	Xây mới	x	
96	Hòa Bình 1 (*)	250	Xây mới		x
97	Thiệu Hóa	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
98	Thiệu Yên	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
99	Tĩnh Gia 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	
100	Quỳ Hợp	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
101	Tương Dương	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
102	Hoàng Mai 2	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
103	Hưng Nguyên	500	Xây mới	x	
104	Cửa Lò	500	Xây mới	x	
105	Can Lộc	500	Cải tạo, nâng công suất	x	
106	Lộc Hà	250	Xây mới	x	
107	Dự phòng phát sinh TBA xây mới, cải tạo nâng công suất	2750	Xây mới và cải tạo, nâng công suất	x	x
108	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện		Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ TBA, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các TBA theo hướng linh hoạt;	x	x

STT	Tên công trình	Công suất (MVA)	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
			lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; thay thế thiết bị đảm bảo đồng bộ khả năng tải ĐZ và MBA; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,...		

Bảng 6: Danh mục các đường dây 220 kV xây mới và cải tạo khu vực miền Bắc

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
I	Giai đoạn 2025-2030						
1	Đông Anh 500 kV - Vân Trì	2	x	16	Xây mới	x	
2	Đại Mỗ (Mỹ Đình) - Rẽ Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Mỗ	x	
3	Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4	x	16	Đầu nối TBA 220 kV Thanh Xuân	x	
4	Cải tạo đường dây 220 kV Sơn Tây - Vĩnh Yên 01 mạch thành 2 mạch	2	x	30	Cải tạo một mạch thành hai mạch, đồng thời chuyển đầu nối thành đường dây 2 mạch Sơn Tây - Vĩnh Yên	x	
5	Chương Mỹ - Rẽ Hòa Bình - Hà Đông	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Chương Mỹ	x	
6	Đan Phượng 500 kV - Mê Linh	2	x	15	Xây mới	x	
7	Đan Phượng 500 kV - Cầu Giấy	2	x	20	Đường dây trên không và cáp ngầm (nội đô), đầu nối TBA 220 kV Cầu Giấy	x	
8	Đầu nối Đan Phượng 500 kV - rẽ Chèm - Vân Trì và Chèm - Tây Hồ	4	x	11	Xây mới	x	
9	Nam Hà Nội 500 kV - rẽ Hà Đông - Phú Lý	4	x	5	Xây mới	x	
10	Hai Bà Trưng - Mai Động	2	x	3	Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng	x	
11	Hai Bà Trưng - Thành Công	2	x	5	Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng	x	
12	Long Biên - Mai Động	2	x	15	Xây mới	x	
13	Long Biên 2 - Rẽ Mai Động - Long Biên	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Long Biên 2	x	
14	Hưng Yên 1 500 kV - Long Biên 2	2	x	20	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Hưng Yên 1	x	
15	Hưng Yên 1 500 kV - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	4	x	4	Xây mới	x	
16	Mạch 2 Hà Đông - Ứng Hòa - Phú Lý	2	x	40	Cải tạo một mạch thành hai mạch, mở rộng 02 ngăn lộ tại trạm 220 kV Ứng Hòa	x	
17	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 1)	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh	x	
18	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 2)	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh. Chuyển đầu nối ĐZ 220 kV Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh và Mê Linh - Vân Trì thành Vĩnh Yên - Vân Trì khi dòng ngắn mạch khu vực tăng cao hơn giới hạn cho phép	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
19	Nam Hà Nội 500 kV - Phú Xuyên	2	x	15	Đầu nối TBA 220 kV Phú Xuyên	x	
20	Hòa Bình - Tây Hà Nội mạch 4	1	x	50	Xây mới, tận dụng cải tạo đoạn tuyến Hòa Bình - Hà Đông mạch 3 cũ. Đồng bộ với cải tạo sơ đồ sân phân phối 220kV TĐ Hòa Bình để hạn chế dòng ngắn mạch	x	
21	Nâng khả năng tải 500 kV Thường Tín - Phố Nối	2	x	34	Nâng khả năng tải 1 mạch Thường Tín - TBA 220 kV Phố Nối, 1 mạch Thường Tín - TBA 500 kV Phố Nối	x	
22	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Sóc Sơn	2	x	10	Nâng khả năng tải hai mạch ĐD 220kV Hiệp Hòa - Sóc Sơn, gỡ bỏ hai mạch còn lại để hạn chế dòng ngắn mạch	x	
23	Nâng khả năng tải Vân Trì - Tây Hồ - Chèm	2	x	20	Đảm bảo cấp điện Hà Nội	x	
24	Nâng khả năng tải Xuân Mai - Hà Đông	1	x	25	Cải tạo	x	
25	Sóc Sơn 2 - Rẽ Hiệp Hòa - Đông Anh	2	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Sóc Sơn 2	x	
26	Sơn Tây 500 kV - Hòa Lạc	2	x	12	Xây mới	x	
27	Sơn Tây 500 kV - Hòa Lạc 2	2	x	15	Xây mới	x	
28	Sơn Tây 500 kV - Rẽ Sơn Tây - Vĩnh Yên	4	x	5	Xây mới	x	
29	Tây Hà Nội 500 kV - Hòa Lạc	2	x	14	Xây mới	x	
30	Ứng Hòa - Rẽ Hà Đông - Phú Lý	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Ứng Hòa	x	
31	Văn Điển - Rẽ Hà Đông - Thường Tín	4	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Văn Điển	x	
32	NLTT Hà Nội 2 - Sơn Tây (*)	2	x	15	Xây mới		x
33	Dương Kinh - Rẽ Đồng Hòa - Đình Vũ	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Dương Kinh, đồng thời chuyển đầu nối Hải Dương 2 - Đồng Hòa và Đồng Hòa - Đình Vũ thành Hải Dương 2 - Đình Vũ	x	
34	An Lão - Rẽ Đồng Hòa - Thái Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV An Lão	x	
35	Cát Hải - Đình Vũ	2	x	12	Trường hợp không mở rộng được ngăn lộ trạm biến áp 220 kV Đình Vũ, xem xét đầu chuyển tiếp 1 mạch đường dây 220kV Đình Vũ - Dương Kinh	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
36	Đại Bản - Rẽ Hải Dương 2 - Dương Kinh	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Bản	x	
37	Đồ Sơn - Dương Kinh	2	x	8	Đầu nối TBA 220 kV Đồ Sơn	x	
38	Hải Phòng 2 500 kV - Rẽ Đồng Hòa - Vật Cách	4	x	10	Xây mới	x	
39	Hải Phòng 2 500 kV - Đại Bản	4	x	5	Xây mới, xem xét nối cấp TBA 220kV Đại Bản	x	
40	Hải Phòng 500 kV - Dương Kinh	2	x	8	Xây mới	x	
41	Hải Phòng 500 kV - Tiên Lãng	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Tiên Lãng	x	
42	Nam Hòa - Cát Hải	2	x	12	Xây mới	x	
43	BB 1 - Đồ Sơn (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Bắc Bộ. Phương án và khối lượng chi tiết sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án, phụ thuộc vào kết quả khảo sát vùng biển trên thực tế.		x
44	Gia Lộc - Rẽ NĐ Hải Dương - Phố Nối	4	x	5	Xây mới	x	
45	500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	2	x	32	Xây mới	x	
46	Gia Lộc 500 kV - Rẽ Gia Lộc - Hải Phòng 500 kV	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc, trường hợp không bố trí được quỹ đất nối cấp Gia Lộc 220 kV	x	
47	Nhị Chiểu - Rẽ Mạo Khê - Hải Dương 2	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nhị Chiểu	x	
48	Tân Việt - Rẽ Gia Lộc - Phố Nối	4	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Tân Việt	x	
49	Thanh Hà - Rẽ 500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	2	x	12	Đầu nối TBA 220 kV Thanh Hà	x	
50	Tứ Kỳ - Rẽ Hải Phòng 500 kV- Gia Lộc	4	x	4	Xây mới	x	
51	Gia Lộc 500 kV - Thanh Miện	2	x	11	Xây mới	x	
52	Nam Sách - NĐ Hải Dương	2	x	11	Xây mới	x	
53	Bãi Sậy - Kim Động	2	x	11	Đầu nối TBA 220 kV Bãi Sậy	x	
54	Hưng Yên 2 500 kV - Đồng Văn	2	x	14	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 2	x	
55	Hưng Yên 2 500 kV - Rẽ Kim Động - Phố Cao	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên 2	x	
56	Văn Giang - Rẽ Hưng Yên 1 500 kV - Thường Tín 500 kV	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Văn Giang	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
57	Mạch 2 Nho Quan - Phú Lý	1	x	40	Xây mới cải tạo 1 mạch thành hai mạch	x	
58	Đồng Văn - Phú Lý	2	x	17	Đầu nối TBA 220 kV Đồng Văn, trường hợp Phú Lý không mở rộng được ngăn lộ, thực hiện đầu chuyển tiếp Hà Đông - Phú Lý	x	
59	Lý Nhân - Rẽ Thanh Nghị - Thái Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Lý Nhân	x	
60	Hải Hậu - Trực Ninh	2	x	17	Đầu nối TBA 220 kV Hải Hậu	x	
61	Nam Định 2 - Rẽ Trực Ninh - Ninh Bình và Trực Ninh - Nam Định	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nam Định 2	x	
62	NĐ Nam Định 500 kV - Hải Hậu	2	x	10	Đầu nối TBA 500 kV Nam Định	x	
63	NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	2	x	47	Đầu nối TBA 500 kV Nam Định	x	
64	NĐ Nam Định 500 kV - Nam Định 3	2	x	18	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng		x
65	NĐ Nam Định 500 kV - Ninh Bình 2	2	x	30	Dây phân pha tiết diện lớn. Đầu nối TBA 500 kV Nam Định	x	
66	Nghĩa Hưng - Rẽ NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Nghĩa Hưng	x	
67	Giao Thủy - rẽ LNG Thái Bình - Trực Ninh	4	x	4	Xây mới, đầu nối TBA 220kV Giao Thủy	x	
68	Vũ Thư - Rẽ Thái Bình - Nam Định và Thái Bình - Ninh Bình	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Vũ Thư	x	
69	LNG Thái Bình - Tiên Lãng	2	x	56	Xây mới, đồng bộ nguồn điện	x	x
70	LNG Thái Bình - Trực Ninh	2	x	50	Xây mới, đồng bộ nguồn điện	x	x
71	Quỳnh Phụ - Rẽ Thái Bình - Đồng Hòa	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Quỳnh Phụ	x	
72	Thái Bình 500 kV - Rẽ Thái Bình - Kim Động	4	x	5	Đầu nối phía 220 kV Thái Bình 500 kV	x	
73	Thái Bình 500 kV - Thanh Nghị	2	x	53	Xây mới	x	
74	Cải tạo đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn 01 mạch thành 02 mạch	2	x	34	ĐD 220kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn thay thế cho ĐD 220kV Ninh Bình - Tam Điệp - Bim Sơn	x	
75	Gia Viễn - Nam Định	2	x	13	Chuyển đầu nối Gia Viễn - Nam Định, thực hiện trong trường hợp di chuyển TBA 220 kV Ninh Bình	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
76	Gia Viễn - Rẽ Nho Quan 500 kV - Ninh Bình	4	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Gia Viễn	x	
77	Nâng khả năng tải Nho Quan 500 kV - Ninh Bình	2	x	26	Cải tạo	x	
78	Ninh Bình 2 - Rẽ Ninh Bình - Thái Bình	2	x	12	Đầu nối TBA 220 kV Ninh Bình 2	x	
79	Tam Điệp - Rẽ Bim Sơn - Ninh Bình	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Tam Điệp trên một mạch trước, đầu nối mạch còn lại đồng bộ với đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn	x	
80	Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình - Rẽ Nam Định 500 kV – Hậu Lộc	2	x	16	Xây mới, đồng bộ Nhà máy điện linh hoạt Ninh Bình		x
81	Bắc Quang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc (địa phận tỉnh Hà Giang)	2	x	55	Tăng cường mua điện Trung Quốc	x	
82	Nâng khả năng tải Hà Giang - Rẽ TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên			42+51	Nâng khả năng tải các đoạn AC410 trên tuyến Hà Giang - TĐ Bắc Mê (42km) và Hà Giang - Thái Nguyên (51km)	x	
83	Treo dây mạch 2 Hà Giang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc	1	x	30	Tăng cường mua điện Trung Quốc	x	
84	Bảo Lâm - Bắc Mê	2	x	30	Giải phóng công suất thủy điện nhỏ Hà Giang	x	
85	Cao Bằng - Lạng Sơn	2	x	120	Xây mới	x	
86	Bát Xát - 500 kV Lào Cai	2	x	47	Đầu nối TBA 220 kV Bát Xát	x	
87	Đầu nối 500 kV Lào Cai	4	x	5	Đầu nối TBA 500 kV Lào Cai, rẽ Bảo Thắng - Yên Bái	x	
88	Bắc Hà - Lào Cai 500 kV	1	x	50	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực	x	x
89	TĐ Bắc Hà - chuyển đầu nối 500 kV Lào Cai	1	x	5	Giảm tải đường dây 220kV Bảo Thắng - Lào Cai 500 kV	x	
90	Than Uyên - 500 kV Lào Cai	2	x	73	Đầu nối TBA 220 kV Than Uyên, giải tỏa thủy điện nhỏ. Vận hành năm 2025.	x	
91	Văn Bàn - Rẽ Than Uyên - Lào Cai 500 kV	4	x	10	Đầu nối TBA 220 kV Văn Bàn, giải phóng công suất thủy điện nhỏ	x	
92	Nâng khả năng tải Lào Cai 500 kV - Lục Yên	2	x	90	Cải tạo	x	
93	Bắc Kạn 1 - Bắc Kạn (*)	2	x	10	Xây mới		x
94	Đồng Mỏ - Rẽ Bắc Giang - Lạng Sơn	4	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Đồng Mỏ	x	
95	Lạng Sơn 1 - Đồng Mỏ (*)	2	x	60	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
96	Lạng Sơn 2 - Lạng Sơn 1 500 kV (*)	2	x	20	Xây mới		x
97	TĐ Yên Sơn - Rẽ TĐ Tuyên Quang - Tuyên Quang	2	x	8	Đồng bộ TĐ Yên Sơn		x
98	Nghĩa Lộ - Việt Trì (500 kV Việt Trì)	2	x	93	Giải tỏa thủy điện nhỏ	x	
99	Huội Quang - Nghĩa Lộ	2	x	103	Giải tỏa thủy điện nhỏ	x	
100	Chuyển đầu nối Bắc Quang - Lục Yên	2	x	1	Chuyển đầu nối Bắc Quang về Lục Yên	x	
101	Lục Yên - rẽ 220 kV Lào Cai - Yên Bái	4	x	5	Xây mới	x	
102	Nâng khả năng tải Lục Yên - Yên Bái	2	x	58	Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc	x	
103	Nâng khả năng tải Yên Bái - Tuyên Quang	2	x	36	Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc	x	
104	Yên Bái 2 - Yên Bái 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới		x
105	Yên Bái 500 kV - Rẽ Yên Bái - Tuyên Quang (*)	4	x	5	Xây mới		x
106	Yên Bái 1 - Yên Bái 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới		x
107	Đầu nối TĐ An Bình (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
108	Đầu nối TĐ An Thịnh (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
109	Đầu nối TĐ Việt Thành (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện. VB số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025 đề xuất đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Bảo Thắng - Yên Bái. Phương án đầu nối cụ thể được chuẩn xác trong giai đoạn triển khai dự án.		x
110	NLTT Thái Nguyên 2 - Rẽ Tuyên Quang - Thái Nguyên 500 kV (*)	2	x	10	Xây mới, đồng bộ nguồn điện		x

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
111	Phú Bình 2 - Rẽ Thái Nguyên - Bắc Giang	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2	x	
112	500 kV Hiệp Hòa - Phú Bình 2	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2	x	
113	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Lưu Xá - Phú Bình	2	x	13	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên	x	
114	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Malungtang - Thái Nguyên	2	x	14	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên	x	
115	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Tuyên Quang (TBA) - Phú Bình	2	x	14	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên	x	
116	Đại Từ - Rẽ Tuyên Quang - Thái Nguyên 500 kV	4	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Đại Từ	x	
117	Đầu nối Yên Thế 500 kV	4	x	4	Xây mới	x	
118	Hiệp Hòa 2 - Rẽ Hiệp Hòa 500 kV - Phú Bình 2	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Hiệp Hòa 2	x	
119	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Phú Bình	1	x	11	Nâng khả năng tải mạch ACSR410	x	
120	Nâng khả năng tải Thái Nguyên - Lưu Xá - Phú Bình	1	x	30	Cải tạo	x	
121	Sông Công - Rẽ Tuyên Quang - Phú Bình	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Sông Công	x	
122	Tân Yên - Rẽ Yên Thế - Việt Yên	4	x	5	Đầu nối TBA 220 kV Tân Yên	x	
123	Yên Thế 500 kV - Việt Yên	2	x	25	Đầu nối TBA 220 kV Việt Yên	x	
124	500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	2	x	50	Xây mới	x	
125	Phú Thọ 2 - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 2	x	
126	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Việt Trì	2	x	10	Cải tạo	x	
127	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Tường	1	x	27	Cải tạo	x	
128	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Yên	1	x	36	Cải tạo	x	
129	Phú Thọ 3 - Rẽ Nghĩa Lộ - 500 kV Việt Trì	4	x	22	Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 3	x	
130	Bá Thiện (Vĩnh Yên 500 kV) - Rẽ Vĩnh Yên - Sóc Sơn	2	x	13	Đầu nối TBA 220 kV Bá Thiện. Kết hợp cải tạo, nâng khả năng tải đoạn tuyến hiện hữu từ Vĩnh Yên 220kV đến điểm giao cắt.	x	
131	Chấn Hưng - Rẽ 500 kV Việt Trì - 220 kV Vĩnh Yên	2	x	2	Đầu nối TBA 220 kV Chấn Hưng	x	

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú	Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa
132	Phúc Yên - Rẽ Vĩnh Yên 500 kV - 220 kV Vĩnh Yên	2	x	1	Xây mới	x	
133	Tam Dương - Rẽ 500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	4	x	4	Đầu nối TBA 220 kV Tam Dương	x	
134	Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	2	x	17	Xây mới và cải tạo, chuyển đầu nối thành đường dây 02 mạch Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	x	
135	Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh	2	x	28	Thay thế cho đường dây 220 kV Mê Linh - Bá Thiện trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh. Trạm 220 kV Bá Thiện nối cấp trong trạm 500 kV Vĩnh Yên.	x	
136	NĐ Phả Lại - Bắc Giang Mạch 2	2	x	27	Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch	x	
137	Bắc Giang 1 - Lạng Sơn 1 (*)	2	x	35	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực		x
138	Bắc Giang 500 kV - Rẽ NMNĐ An Khánh Bắc Giang - Lạng Sơn	4	x	8	Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bắc Giang	x	
139	Đầu nối NMNĐ An Khánh Bắc Giang	4	x	14	Đồng bộ NMNĐ An Khánh Bắc Giang, đầu nối trên ĐD 220 kV Bắc Giang - Lạng Sơn	x	
140	Đồng Mỏ - Sơn Động	2	x	60	Xây mới	x	
141	Lạng Giang - Rẽ Bắc Giang - Thái Nguyên	2	x	1	Đầu nối trạm biến áp 220 kV Lạng Giang	x	
142	Yên Dũng - Rẽ NĐ Phả Lại - Quang Châu	2	x	1	Đầu nối TBA 220 kV Yên Dũng	x	
143	Bắc Ninh 4 - Đông Anh	2	x	14	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 4	x	
144	Bắc Ninh 5 - Rẽ Bắc Ninh 500 kV - Phố Nối	2	x	7	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 5	x	
145	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh	2	x	10	Đồng bộ với chuyển đầu nối đường dây 220kV Phả Lại - Bắc Ninh và Bắc Ninh - Quang Châu thành Phả Lại - Quang Châu để hạn chế dòng ngắn mạch	x	
146	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh 4	2	x	14	Xây mới	x	
147	Bắc Ninh 500 kV - Rẽ Bắc Ninh 2 - Phố Nối	4	x	3	Đầu nối phía 220 kV Bắc Ninh 500 kV	x	
148	Bắc Ninh 6 - Rẽ Phả Lại - 500 kV Phố Nối	2	x	3	Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 6, xem xét sử dụng cột 04 mạch treo trước 02 mạch	x	